MỤC LỤC

|  |  |
| --- | --- |
| NỘI DUNG | Trang |
| Mục lục | 1 |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá | 3 |
| Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU | 5 |
| Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ | 12 |
| A. ĐẶT VẤN ĐỀ | 12 |
| B. TỰ ĐÁNH GIÁ | 14 |
| Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường | 14 |
| Mở đầu | 14 |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường | 15 |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác. | 17 |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường | 20 |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng | 23 |
| Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo | 26 |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản | 28 |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên | 30 |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục | 33 |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở | 35 |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học | 37 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 1* | 39 |
| Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên  | 40 |
| Mở đầu | 40 |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | 41 |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên | 43 |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên | 46 |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 2*** | 48 |
| **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học** | 48 |
| **Mở đầu** | 48 |
| Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn | 49 |
| Tiêu chí 3.2: Khối phòng, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập | 51 |
| Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chánh – quản trị | 53 |
| Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn | 55 |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi | 57 |
| Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước | 60 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 3* | 62 |
| Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội | 63 |
| Mở đầu | 63 |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ | 64 |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường | 66 |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 4*** | 69 |
| **Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ** | 69 |
| **Mở đầu** | 69 |
| Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non | 70 |
| Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ | 73 |
| Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe | 75 |
| Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục | 79 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 5* | 82 |
| PHẦN III. KẾT LUẬN CHUNG | 83 |
| Phần IV. PHỤ LỤC  |  |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1. Kết quả đánh giá**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn, tiêu chí** | **Kết quả** |
| **Không đạt** | **Đạt** |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 1.2 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 1.3 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 1.4 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 1.5 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 1.6 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.7 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 1.8 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 1.9 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.10 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 2.2 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 2.3 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 3.2 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 3.3 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 3.4 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.5 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 3.6 |  | X |  |  |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 4.2 |  | X |  |  |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 5.2 |  | X |  |  |
| Tiêu chí 5.3 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 5.4 |  | X |  |  |

**Kết quả:** đạt Mức 1.

**2. Kết luận: Trường đạt Mức 1.**

**Phần I**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Mầm non Phường 2

Tên trước đây (nếu có): Mẫu giáo Sơn ca 2

Cơ quan chủ quản: Ủy ban Nhân dân Quận 11

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | Thành phố Hồ Chí Minh |  | Họ và tên hiệu trưởng | Phạm Thị Hoài An |
| Huyện / quận / thị xã / thành phố | Quận 11 |  | Điện thoại: | 028.39691653 |
| Xã / phường / thị trấn | Phường 2 |  | Fax | Không |
| Đạt chuẩn quốc gia | Không |  | Website | [mn2q11.hcm.edu.vn](http://mn2q11.hcm.edu.vn/) |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 1998 |  | Số điểm trường (nếu có) | 03 |
| Công lập | X |  | Loại hình khác | Không |
| Tư thục | Không |  | Thuộc vùng khó khăn | Không |
| Dân lập | Không |  | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | Không |
| Trường liên kết với nước ngoài | Không |  |  |  |

**1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số nhóm, lớp** | **Năm học 2016** - **2017** | **Năm học 2017** - **2018** | **Năm học 2018** - **2019** | **Năm học 2019** - **2020** | **Năm học 2020** - **2021** |
| Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi | 01 | 01 | 01 | 01 | 01 |
| Số lớp mẫu giáo 3 – 4 tuổi | 02 | 02 | 02 | 02 | 02 |
| Số lớp mẫu giáo 4 – 5 tuổi | 03 | 02 | 03 | 02 | 03 |
| Số lớp mẫu giáo 5 – 6 tuổi | 04 | 05 | 03 | 04 | 03 |
| **Cộng** | **10** | **10** | **09** | **09** | **09** |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2016** - **2017** | **Năm học 2017** - **2018** | **Năm học 2018** - **2019** | **Năm học 2019** - **2020** | **Năm học 2020** - **2021** |
| **I** | **Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo** | **10** | **10** | **09** | **09** | **09** |
| 1 | Phòng kiên cố | 10 | 10 | 09 | 09 | 09 |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 3 | Phòng tạm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| **II** | **Khối phòng phục vụ học tập** | **00** | **00** | **00** | **00** | **00** |
| 1 | Phòng kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 3 | Phòng tạm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| **III** | **Khối phòng hành chính quản trị** | **08** | **08** | **08** | **08** | **09** |
| 1 | Phòng kiên cố | 03 | 03 | 03 | 03 | 04 |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 01 | 01 | 01 | 01 | 01 |
| 3 | Phòng tạm | 04 | 04 | 04 | 04 | 04 |
| **IV** | **Khối phòng tổ chức ăn** | **02** | **02** | **02** | **02** | **02** |
| 1 | Phòng kiên cố | 02 | 02 | 02 | 02 | 02 |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 3 | Phòng tạm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| **V** | **Các công trình, khối phòng chức năng khác** (nếu có) | **02** | **02** | **03** | **03** | **03** |
| 1 | Phòng kiên cố | 02 | 02 | 03 | 03 | 03 |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 3 | Phòng tạm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
|  | **Cộng** | 22 | 22 | 22 | 22 | 23 |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 6 năm 2021

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | **Ghi chú** |
| Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Hiệu trưởng | 01 | 01 | 00 | 00 | 00 | 01 |  |
| Phó hiệu trưởng | 02 | 02 | 00 | 00 | 00 | 02 |  |
| Giáo viên | 21 | 21 | 03 | 00 | 08 | 11 |  |
| Nhân viên  | 10 | 08 | 01 | 00 | 06 | 02 |  |
| **Cộng** | **34** | **32** | **04** | **00** | **14** | **16** |  |

b) Số liệu của 5 năm gần đây

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2016** - **2017** | **Năm học 2017** - **2018** | **Năm học 2018** - **2019** | **Năm học 2019** - **2020** | **Năm học 2020** - **2021** |
| 1 | Tổng số giáo viên | 16 | 18 | 19 | 20 | 19 |
| 2 | Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với nhóm trẻ) | 30/2 = 15 trẻ/ giáo viên | 28/2 = 14 trẻ/ giáo viên | 30/2 = 15 trẻ/ giáo viên | 17/2= 8,5 trẻ/ giáo viên | 27/2= 13,5 trẻ/ giáo viên |
| 3 | Tỉ lệ trẻ em/giáo viên *(đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)* | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 4 | Tỉ lệ trẻ em/giáo viên *(đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)* | 280/1815,5 trẻ/ giáo viên | 251/18= 13,9 trẻ/ giáo viên | 207/16= 12,9 trẻ/ giáo viên | 200/16= 12,5 trẻ/ giáo viên | 173/17= 10,1 trẻ/ giáo viên |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | Quận không tổ chức thi | 03 | Quận không tổ chức thi | 01(Quận tổ chức thi vòng 1) | 01(Quận tổ chức thi vòng 2) |
| 6 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có) | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 7 | Các số liệu khác (nếu có) | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |

**4. Trẻ em**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2016** - **2017** | **Năm học 2017** - **2018** | **Năm học 2018** - **2019** | **Năm học 2019** - **2020** | **Năm học 2020** - **2021** | **Ghi chú** |
| 1 | Tổng số trẻ em | 310 | 279 | 237 | 217 | 200 |  |
| *- Nữ* | 137 | 130 | 125 | 108 | 97 |  |
| *- Dân tộc thiểu số* | 122 | 98 | 83 | 73 | 76 |  |
| 2 | Đối tượng chính sách | 09 | 10 | 10 | 05 | 05 |  |
| 3 | Khuyết tật | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| 4 | Tuyển mới | 50 | 53 | 52 | 81 | 79 |  |
| 5 | Học 2 buổi/ngày | 310 | 279 | 237 | 217 | 200 |  |
| 6 | Bán trú | 307 | 271 | 233 | 217 | 195 |  |
| 7 | Tỉ lệ trẻ em/lớp | 280/09= 31,1 trẻ/ lớp | 251/09= 27,9 trẻ/ lớp | 207/08= 25,9 trẻ/lớp | 200/8= 25 trẻ/lớp | 173/8= 21,6 trẻ/lớp |  |
| 8 | Tỉ lệ trẻ em/nhóm | 30/1= 30 trẻ/  nhóm | 28/1= 28 trẻ/ nhóm | 30/1= 30 trẻ/ 1 nhóm | 17/1= 17 trẻ/ nhóm | 27/1= 27 trẻ/ nhóm |  |
|  | - Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
|  | - Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
|  | - Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi | 30 | 28 | 30 | 17 | 27 |  |
| - Trẻ em từ 3-4 tuổi | 55 | 57 | 45 | 54 | 36 |  |
| - Trẻ em từ 4-5 tuổi | 114 | 65 | 74 | 53 | 67 |  |
| - Trẻ em từ 5-6 tuổi | 111 | 129 | 88 | 93 | 70 |  |
| 9 | Các số liệu khác (nếu có) | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |

**5. Các số liệu khác (nếu có)**

Không có

**Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

1. Tình hình chung của nhà trường

Trên tinh thần của công văn số 569/GDĐT-TC ngày 16/12/1998 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh và công văn số 1036/TCCQ ngày 31/12/1998 của Ban Tổ chức chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh về việc thỏa thuận đổi tên, thành lập mới các trường thuộc ngành giáo dục Quận 11, Ủy ban Nhân dân Quận 11 đã ra quyết định hợp nhất Nhà trẻ Hoa Hướng Dương 2 và trường Mẫu giáo Sơn ca 2 thành Trường Mầm non Phường 2.

Trường có 03 cơ sở, trong đó cơ sở 01 tọa lạc tại số 286/1-3-5-7 Minh Phụng, Phường 02, Quận 11; cơ sở 02 tọa lạc tại số 286/2-4 Minh Phụng, Phường 02, Quận 11; cơ sở 03 tọa lạc tại 364 Hàn Hải Nguyên, Phường 10, Quận 11.

Trường được trang bị hệ thống trang thiết bị, cơ sở vật chất đáp ứng tốt yêu cầu công tác chăm sóc giáo dục trẻ theo Điều lệ trường mầm non.

Tổng số trẻ toàn trường trong năm học 2020 – 2021 là 200 trẻ chia thành 09 nhóm lớp từ 25 tháng đến 5 – 6 tuổi.

Năm học 2020 – 2021, trường có 21 giáo viên, trong đó có 02 giáo viên chuyên trách phổ cập giáo dục. Cơ cấu đủ số lượng 02 giáo viên cho mỗi nhóm lớp. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên luôn phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ, thể hiện tinh thần đoàn kết, có trách nhiệm, năng động, sáng tạo. Chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ ngày càng nâng cao, được cha mẹ học sinh tín nhiệm.

Trường có 01 chi bộ độc lập với 11 đảng viên. Các đảng viên đều là lực lượng nòng cốt, luôn đi đầu trong các phong trào. Từ năm 2016 đến 2020, chi bộ đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Công đoàn trường có 27 công đoàn viên; Đoàn Thanh niên có 06 đoàn viên. Các tổ chức đoàn thể hoạt động theo các quy định của pháp luật, vận động công đoàn viên và đoàn viên tham gia tích cực các phong trào khi được phát động.

Trẻ đến trường ngoan, lễ phép, mạnh dạn trong giao tiếp, tích cực tham gia vào các hoạt động, trẻ có nền nếp tốt trong việc thực hiện các hoạt động như học tập, vui chơi, vệ sinh, lao động...

Do trường nằm trong khu vực có dân cư đa số là người lao động nghèo, người Hoa nên việc tiếp nhận và giáo dục trẻ ban đầu gặp nhiều khó khăn. Tình hình đi học của trẻ chưa đều, tình trạng nghỉ học giữa năm vẫn còn.

2. Mục đích tự đánh giá

Nhằm giúp nhà trường xác định đúng mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

Thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng.

 Khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

Giúp cho tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu của trường, cũng như mỗi cá nhân sẽ tự nhận thức rõ hơn vai trò và trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ được giao để từ đó có biện pháp khắc phục phù hợp, cải thiện chất lượng hoạt động của nhà trường trong những năm tiếp theo nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quy định.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Tháng 10 năm 2020: Trường thành lập Hội đồng tự đánh giá và lập kế hoạch tự đánh giá theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

Từ tháng 11/2020 đến tháng 02/2021: Các tổ công tác thu thập thông tin, minh chứng, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí; họp Hội đồng tự đánh giá rút kinh nghiệm, viết đề cương báo cáo tự đánh giá. Họp Hội đồng tự đánh giá thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá, kiểm tra lại thông tin minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá.

Từ tháng 3/2021 đến tháng 5/2021: Hội đồng tự đánh giá hoàn thiện báo cáo và công bố báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trước Hội đồng sư phạm.

Tháng 11/2021: Nhà trường gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan quản lý trực tiếp.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên theo chức năng, năng lực của mỗi người. Trong quá trình tự đánh giá, các nhóm công tác đã huy động toàn thể đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia vào công tác tự đánh giá để hỗ trợ thu thập, xử lý, phân tích các thông tin minh chứng, đối chiếu các tiêu chí, tiêu chuẩn theo Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; công văn số 5942/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài trường mầm non. Trên cơ sở đánh giá sát thực các điểm mạnh và điểm yếu trên các lĩnh vực hoạt động của nhà trường để giúp cho nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục ngày được hoàn thiện.

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu:**

Nhận thức rõ tầm quan trọng của phát triển giáo dục mầm non, trường Mầm non Phường 2, Quận 11 đã xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2019 – 2024. Bên cạnh đó, trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức bộ máy và hoạt động theo Điều lệ trường mầm non; luôn phát huy hiệu quả, đẩy mạnh các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ nhằm mục đích nâng cao chất lượng chuyên môn của đơn vị. Trường thực hiện Quy chế dân chủ trong các hoạt động, quản lý tài chính, đảm bảo tính công khai minh bạch công tác quản lý.

***Tiêu chí 1.1: Nhà trường có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường***

Mức 1:

*a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được qui định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng Giáo dục và Đào tạo*.

 Mức 2:

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.*

Mức 3:

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có xây dựng Phương hướng chiến lược phát triển Trường Mầm non Phường 2, Quận 11 giai đoạn 2019 – 2024 [H1-1.1-01]. Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục (Điều 22 Văn bản hợp nhất Luật Giáo dục số 07/VBHN-VPQH ngày 31/12/2015); phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Ủy ban nhân dân Phường 2 và phù hợp với các nguồn lực về cơ sơ vật chất, nhân lực của nhà trường.

b) Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2019 – 2024 được xác định bằng văn bản số 73/PH-MNP2, ngày 07 tháng 7 năm 2019; được Đảng ủy Phường 2, Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2019 – 2024 được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại bảng tin và cổng thông tin điện tử của nhà trường [H1-1.1-02].

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường thực hiện xây dựng kế hoạch năm, tháng để triển khai thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường một cách cụ thể [H1-1.1-03]. Nhà trường giám sát việc thực hiện qua đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch năm, tháng tại các buổi họp Hội đồng sư phạm hằng tháng; qua báo cáo Sơ kết học kỳ I, báo cáo tổng kết năm học. Qua đó kịp thời chấn chỉnh, rút kinh nghiệm những mặt còn hạn chế và có chế độ khen thưởng, phát huy những mặt đã làm được. Tuy nhiên, phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa có sự tham gia của cha mẹ trẻ và của chính quyền địa phương [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

Mức 3:

Hằng năm, căn cứ vào Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 11, trường rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển bằng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường [H1-1.1-03]. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có sự tham gia đóng góp ý kiến qua các buổi họp của các thành viên trong Hội đồng trường, tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là chủ yếu; chưa có sự tham gia của cha mẹ trẻ và chính quyền địa phương [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

**2. Điểm mạnh**

Trường Mầm non Phường 2 có xây dựng và công khai Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2019 – 2024. Có giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển qua các buổi họp định kỳ hàng tháng, báo cáo tổng kết hàng năm.

**3. Điểm yếu**

Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa có sự tham gia của cha mẹ trẻ và của chính quyền địa phương.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021 – 2022 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng cùng với Hội đồng trường tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục và định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Bên cạnh đó, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch phân công cụ thể cho các thành viên tổ chức lấy ý kiến của cha mẹ trẻ và của chính quyền địa phương trong tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

***Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác***

Mức 1:

*a) Được thành lập đúng theo quy định;*

*b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định;*

*c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hội đồng Trường Mầm non Phường 2 gồm có 07 thành viên được đề nghị kiện toàn lại nhân sự theo công văn số 127/TTr-MNP2 ngày 17 tháng 9 năm 2020 [H1-1.2-01]. Ngoài ra, trường còn có Hội đồng thi đua – khen thưởng có 09 thành viên được thành lập theo công văn số 158/QĐ-MNP2 ngày 20 tháng 10 năm 2020 [H1-1.2-02]; Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm có 05 thành viên được thành lập theo công văn số 218/QĐ-MNP2 ngày 31 tháng 12 năm 2020 [H1-1.2-03]; Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi có 05 thành viên được thành lập theo công văn số 145/QĐ-MNP2 ngày 01 tháng 10 năm 2020 [H1-1.2-04].

b) Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 18, 19 Điều lệ trường mầm non (Văn bản hợp nhất số: 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015). Hội đồng trường quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, các dự án, kế hoạch đầu tư và phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn và từng năm học; quyết nghị về tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản của nhà trường; giới thiệu người để bổ nhiệm làm hiệu trưởng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; giám sát các hoạt động của nhà trường; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường [H1-1.2-01]. Hội đồng thi đua – khen thưởng chịu trách nhiệm kiểm tra, xét duyệt các danh hiệu thi đua và đề nghị hình thức khen thưởng cho các cá nhân, tập thể trực thuộc trường Mầm non Phường 2 theo Luật Thi đua khen thưởng [H1-1.2-02]. Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm có nhiệm vụ chấm, xếp loại các sáng kiến của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường theo đúng văn bản quy định hiện hành; trình kết quả để Hội đồng chấm sáng kiến Quận 11 phê duyệt làm cơ sở để xét thi đua năm học; lựa chon các sáng kiến đạt kết quả tốt phổ biến để nhân rộng trong trường [H1-1.2-03]. Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi dự hoạt động, chấm điểm các nội dung của hội thi; khuyến khích, động viên giáo viên học hỏi, trao đổi, truyền đạt, phổ biến kinh nghiệm chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, làm đồ dùng, đồ chơi và nghiên cứu khoa học chăm sóc giáo dục trẻ [H1-1.2-04].

c) Hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác được rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm qua những buổi họp định kỳ, qua báo cáo tổng kết năm học hằng năm của nhà trường [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.1-05].

Mức 2:

Hoạt động của các hội đồng bám sát văn bản chỉ đạo và thực trạng nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2020 – 2021, trường được công nhận danh hiệu Tập thể lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.1-05]. Tuy nhiên, một số thành viên trong Hội đồng trường do mới nhận nhiệm vụ nên chưa linh hoạt, mạnh dạn đóng góp ý kiến rút kinh nghiệm các hoạt động. Ngoài ra, hiệu quả hoạt động của Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm chưa cao do một số thành viên trong hội đồng chưa có nhiều kinh nghiệm và kỹ năng tư vấn dẫn đến đánh giá hiệu quả sáng kiến còn chung chung.

**2. Điểm mạnh**

Trường Mầm non Phường 2 có Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo theo qui định. Các hội đồng có tự rà soát, đánh giá kết quả và rút kinh nghiệm hoạt động, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

**3. Điểm yếu**

Một số thành viên trong Hội đồng trường do mới nhận nhiệm vụ nên chưa linh hoạt, mạnh dạn đóng góp ý kiến rút kinh nghiệm các hoạt động. Bên cạnh đó, hiệu quả hoạt động của Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm chưa cao do một số thành viên trong hội đồng chưa có nhiều kinh nghiệm, kỹ năng tư vấn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021 – 2022 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả hoạt động của các hội đồng. Trước các buổi họp, Hiệu trưởng định hướng và giao nhiệm vụ cho các thành viên trong Hội đồng trường về việc chuẩn bị trước những nội dung cần thảo luận, rút kinh nghiệm để các thành viên chưa có nhiều kinh nghiệm có thời gian tìm hiểu, mạnh dạn trình bày những khó khăn, hạn chế và đề xuất các giải pháp phù hợp. Bên cạnh đó, Hiệu trưởng phân công các thành viên trong cán bộ quản lý bồi dưỡng kỹ năng tư vấn chuyên môn, quản lý cho một số thành viên trong Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

***Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường***

Mức 1:

*a) Các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*b) Hoạt động theo quy định;*

*c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 2 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường Mầm non Phường 2 có tổ chức công đoàn với 27 công đoàn viên, trực thuộc Liên đoàn lao động Quận 11, có bà Lê Thị Kim Dung là Chủ tịch công đoàn [H1-1.3-01]; tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh với 6 đoàn viên, trực thuộc Đoàn Phường 2, có bà Nguyễn Trúc Thúy Quỳnh là Bí thư chi đoàn [H1-1.3-02] và hội Chữ thập đỏ với 27 hội viên trực thuộc hội Chữ thập đỏ Quận 11, có bà Nguyễn Diệu Đan là Chủ tịch [H1-1.3-03].

b) Công đoàn, Đoàn Thanh niên và hội Chữ thập đỏ của trường hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức để thực hiện mục tiêu giáo dục của nhà trường, cụ thể: Công đoàn xây dựng chương trình, kế hoạch công tác phù hợp với thực tiễn của nhà trường và chức năng của tổ chức công đoàn; báo cáo tình hình tổ chức các hoạt động công đoàn với cấp ủy chi bộ, công đoàn cấp trên; đẩy mạnh hoạt động chăm lo, bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của công đoàn viên; tuyên truyền, giáo dục, nâng cao tư tưởng chính trị, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ của công đoàn viên [H1-1.3-01]. Đoàn Thanh niên thực hiện giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống và kỹ năng sống cho đoàn viên từ đó khơi dậy và phát huy tính năng động, tự giác, tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội; vận động đoàn viên tham gia tích cực và có hiệu quả các cuộc phát động về phong trào của Đoàn cấp trên và của nhà trường [H1-1.3-02]. Căn cứ vào kế hoạch của hội Chữ thập đỏ Quận 11, hội Chữ thập đỏ trường Mầm non Phường 2 xây dựng kế hoạch của hội, phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị; đăng ký thực hiện các công trình nhân đạo với hội Chữ thập đỏ Quận 11 và tham gia các công tác xã hội của trường và của Quận [H1-1.3-03].

c) Hằng năm, Ban chấp hành công đoàn, Đoàn Thanh niên và hội Chữ thập đỏ của trường có nhận xét, đánh giá về các hoạt động qua các buổi sinh hoạt định kỳ theo tháng hoặc quý hoặc năm [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

Mức 2:

a) Trường Mầm non Phường 2 có chi bộ độc lập, trực thuộc Đảng ủy Phường 2. Chi bộ có 11 đảng viên, trong đó có 09 đảng viên chính thức, 02 đảng viên dự bị; có Bí thư là bà Phạm Thị Hoài An. Chi bộ hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ năm 2016 đến 2019 đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ, năm 2020 đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-04].

b) Công đoàn, Đoàn Thanh niên và hội Chữ thập đỏ của trường có đóng góp tích cực cho các hoạt động của trường như: phối hợp với nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ; vận động công đoàn viên, đoàn viên, hội viên thực hiện tốt nhiệm vụ năm học; tập huấn sơ cấp cứu cho giáo viên; giới thiệu quần chúng ưu tú tạo nguồn Cảm tình đảng cho chi bộ. Tuy nhiên, hoạt động của Đoàn Thanh niên còn bị động, chủ yếu gắn với hoạt động, phong trào của Đoàn Phường 2 chưa thể hiện rõ đặc trưng của “Đoàn Thanh niên trường mầm non” [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

Mức 3:

a) Chi bộ trường Mầm non Phường 2 từ năm 2016 đến 2019 hoàn thành tốt nhiệm vụ và năm 2020 đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-04].

b) Công đoàn, Đoàn Thanh niên và hội Chữ thập đỏ mang lại một số giải thưởng cho trường như: thi sơ cấp cứu đạt giải III cấp Quận, thi sơ cấp cứu đạt giải Khuyến khích cấp Quận, giấy khen Công đoàn cơ sở hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

**2. Điểm mạnh**

Chi bộ,công đoàn, Đoàn Thanh niên và hội Chữ thập đỏ trường Mầm non Phường 2 có cơ cấu tổ chức và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

**3. Điểm yếu**

Hoạt động của Đoàn Thanh niên trường còn bị động, chủ yếu gắn với hoạt động, phong trào của Đoàn Phường 2 chưa thể hiện rõ đặc trưng “Đoàn Thanh niên trường mầm non”.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021 – 2022 và những năm tiếp theo, Cấp ủy chi bộ cùng với Ban chấp hành các đoàn thể và hội Chữ thập đỏ tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả hoạt động của chi bộ,công đoàn, Đoàn Thanh niên và hội Chữ thập đỏ. Bên cạnh đó, Bí thư Đoàn Thanh niên tiếp tục đăng ký và tham dự các buổi bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng xây dựng kế hoạch hoạt động và kỹ năng tổ chức các hoạt động của Đoàn Thanh niên; chủ động tham khảo tư vấn, hỗ trợ từ Đoàn Phường 2 sao cho hoạt động Đoàn Thanh niên vừa bám sát chỉ đạo của Đoàn Phường 2, vừa bám sát với các hoạt động của trường, thể hiện rõ đặc trưng của “Đoàn Thanh niên trường mầm non”.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

***Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.***

Mức 1:

*a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*

*b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*c) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

*a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01(một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*

*b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

*a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*

*b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường Mầm non Phường 2 có Hiệu trưởng – bà Phạm Thị Hoài An, quản lý và chịu trách nhiệm chung, được bổ nhiệm theo Quyết định số 2693/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Quận 11; có Phó Hiệu trưởng – bà Nguyễn Diệu Đan, phụ trách hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng, được bổ nhiệm theo Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2019 của của Ủy ban nhân dân Quận 11 và Phó hiệu trưởng – bà Trần Thị Ngọc Đào, phụ trách hoạt động chăm sóc giáo dục, được bổ nhiệm lại theo Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2019 của của Ủy ban nhân dân Quận 11 [H1-1.4-01].

b) Trường có 02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Các tổ chuyên môn của trường hiện có: tổ chuyên môn khối Nhà trẻ – Mầm và tổ chuyên môn khối Chồi – Lá. Mỗi tổ chuyên môn, tổ văn phòng đều có 01 tổ trưởng, riêng tổ chuyên môn khối Chồi – Lá có thêm 1 tổ phó [H1-1.4-02].

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động theo quy định nhằm thực hiện chương trình giáo dục mầm non và phục vụ cho việc thực hiện các hoạt động của nhà trường về chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em. Kế hoạch hoạt động có bám sát với kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường [H1-1.4-03]. Tổ chuyên môn thực hiện nghiêm túc công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường; tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Tổ văn phòng thực hiện tốt công tác giúp hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ của nhà trường; bồi d­ưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường; tham gia đánh giá, xếp loại các thành viên. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng sinh hoạt chuyên môn định kỳ ít nhất 02 tuần/1 lần [H1-1.4-04].

Mức 2:

a) Hằng năm, căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường, các tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện chuyên đề chuyên môn, trong đó có ít nhất 01 chuyên đề cho giáo viên các trường bạn trong cụm tham quan, học tập. Trong năm học 2020 – 2021, tổ chuyên môn đã đề xuất và thực hiện chuyên đề trường “Tổ chức hoạt động giờ ăn” và chuyên đề cụm “Tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ” [H1-1.4-05].

b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh qua các cuộc họp tổ hằng tháng (2 lần/tháng) [H1-1.4-04].

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường, đặc biệt là chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ [H1-1.1-05]. Tuy nhiên, các thành viên trong mỗi tổ chuyên môn ở hai khối tuổi khác nhau nên việc trao đổi, thảo luận học tập kinh nghiệm về chuyên đề chưa sâu sát vào từng khối tuổi.

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Trong nhiều năm liền, trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 11 giao nhiệm vụ tổ chức ít nhất 01 chuyên đề cấp Quận hoặc 01 chuyên đề cụm chuyên môn [H1-1.1-05]; [H1-1.4-05].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có hiệu trưởng và số lượng phó hiệu trưởng theo quy định. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức, kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

**3. Điểm yếu**

Thành viên trong mỗi tổ chuyên môn ở hai khối tuổi khác nhau nên việc trao đổi, thảo luận học tập kinh nghiệm về chuyên đề chưa sâu sát vào từng khối tuổi.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021 – 2022 và những năm tiếp theo, tổ trưởng các tổ chuyên môn và tổ văn phòng tiếp tục duy trì sinh hoạt định kỳ, nâng cao chất lượng sinh hoạt của tổ. Các Phó Hiệu trưởng phối hợp phân bổ chuyên đề sao cho đảm bảo mỗi tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện ít nhất 01 chuyên đề/01 năm học. Phó Hiệu trưởng tăng cường tham dự sinh hoạt tổ, qua đó, hỗ trợ và tư vấn cho tổ trưởng các kỹ năng: xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ, tổ chức sinh hoạt tổ, kiểm tra và đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc đồng nghiệp.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

***Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo***

Mức 1:

*a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;*

*b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;*

*c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ em cùng một dạng khuyết tật.*

Mức 2:

*Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.*

Mức 3:

*Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Năm học 2020 – 2021, trường Mầm non Phường 2 có 09 nhóm lớp, trong đó có 1 nhóm 25 – 36 tháng, 02 lớp 3 – 4 tuổi, 03 lớp 4 – 5 tuổi, 03 lớp 5 – 6 tuổi. Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H1-1.5-01].

b) Trường có 09/09 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo (tỷ lệ 100%) tổ chức học 2 buổi trên ngày [H1-1.5-02].

c) Trong 05 năm liên tục, trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

Mức 2:

Năm học 2020 – 2021, trường Mầm non Phường 2 có 200 trẻ, được phân chia vào các nhóm lớp theo đúng độ tuổi [H1-1.5-01], cụ thể:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm, lớp** | **Số nhóm, lớp** | **Số trẻ thực tế** | **Số trẻ/****1 nhóm, lớp** | **Số trẻ vượt quá quy định** |
| Nhóm 25 – 36 tháng  | 01 | 27 | 27 | 02 |
| Lớp mẫu giáo 3 – 4 tuổi | 02 | 36 | 18 | 00 |
| Lớp mẫu giáo 4 – 5 tuổi | 03 | 67 | 22 – 23 | 00 |
| Lớp mẫu giáo 5 – 6 tuổi | 03 | 70 | 23 – 24 | 00 |

Mức 3:

Nhà trường có 09 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo [H1-1.5-01].

**2. Điểm mạnh**

Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi theo quy định tại Điều lệ trường mầm non và tổ chức học 02 buổi trên ngày.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường có số lượng trẻ nhóm 25 – 36 tháng vượt so với quy định Điều lệ trường mầm non.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021 – 2022 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tuyển sinh phù hợp, đảm bảo số trẻ nhóm, lớp theo quy định của Điều lệ trường mầm non, đặc biệt là sĩ số trẻ nhóm 25 – 36 tháng.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

***Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản***

Mức 1:

*a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*

*b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

*c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

*a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

*Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Các văn bản, hồ sơ của nhà trường như hồ sơ quản lý nhân sự, hồ sơ quản lý trẻ, hồ sơ quản lý chuyên môn, hồ sơ quản lý bán trú, hồ sơ quản lý tài chính, hồ sơ quản lý tài sản, hồ sơ lưu trữ công văn, hồ sơ thi đua – khen thưởng,... được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định của Luật Lưu trữ [H1-1.6-01].

b) Hằng năm, định kỳ kế toán của nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê báo cáo tài chính và tài sản theo quy định về phòng Tài chính Kế hoạch Quận 11; có công khai định kỳ trên bảng tin nhà trường hoặc thông qua các cuộc họp Hội đồng sư phạm; có tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03]; [H1-1.1-04]. Trường thực hiện tốt việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ thể hiện cụ thể các nội dung thu chi được tập thể nhà trường thống nhất, được bổ sung, cập nhật kịp thời phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị và các quy định hiện hành [H1-1.6-04].

c) Nhà trường thực hiện quản lý và sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích, mang lại hiệu quả cao trong hoạt động giáo dục [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản thông qua các phần mềm như: phần mềm EPMIS, phần mềm IMAS trong công tác quản lý tài chính và tài sản; phần mềm Quản lý hồ sơ điện tử trong công tác quản lý hành chính; dịch vụ công trực tuyến của Kho bạc nhà nước qua cổng dịch vụ công quốc gia; phần mềm PMS quản lý mầm non tính khẩu phần dinh dưỡng; phần mềm Mindjet MindManager trong soạn kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ [H1-1.6-05].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận quyết toán hằng năm [H1-1.6-02].

Mức 3:

Nhà trường chưa có xây dựng kế hoạch ngắn hạn, kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có lưu trữ hồ sơ theo quy định; quản lý và sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích, có công khai rõ ràng. Có thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản và mang lại hiệu quả.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có xây dựng kế hoạch ngắn hạn, kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021 – 2022 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng chỉ đạo các bộ phận của nhà trường tiếp tục duy trì thực hiện tốt công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo đúng quy định. Hiệu trưởng và nhân viên kế toán tham mưu, tham khảo tư vấn từ lãnh đạo về xây dựng kế hoạch để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên***

Mức 1:

*a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*

*b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*

*c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

*Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, căn cứ kế hoạch của Ủy ban nhân dân Quận 11, của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 11 và nhu cầu thực tế, nhà trường xây dựng và triển khai các kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên [H1-1.7-01].

b) Đầu năm học, căn cứ vào khả năng và sở trường của từng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, Hiệu trưởng xây dựng và triển khai quyết định phân công nhân sự, trong đó có phân công cụ thể, rõ ràng nhiệm vụ cho từng cá nhân, đảm bảo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao, đảm bảo tốt các hoạt động của nhà trường [H1-1.7-02].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định như: được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, được hưởng lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật khi được cử đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo; được bảo vệ nhân phẩm, danh dự và được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1.6-04].

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường có thực hiện các biện pháp phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục, cụ thể như: xây dựng và triển khai các kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ [H1-1.7-01]; phân công nhân sự phù hợp kiến thức, kinh nghiệm, thâm niên, trình độ chuyên môn, chú ý phối hợp trong nhóm hoạt động tốt để phát huy được năng lực của mỗi người [H1-1.7-02]; tạo điều kiện về thời gian cũng như hỗ trợ một phần kinh phí cho các cá nhân tham gia một số lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ [H1-1.6-04]; tổ chức các hội thi Giáo viên mầm non giỏi [H1-1.2-04]; đánh giá hiệu quả công tác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhằm điều chỉnh những hạn chế và phát huy ưu điểm của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H1-1.2-02]. Tuy nhiên, một số biện pháp chưa phát huy hiệu quả tối ưu ở một vài giáo viên có tâm lý “an phận”, ngại thay đổi, phấn đấu để phát triển.

**2. Điểm mạnh**

Trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; phân công nhân sự hợp lý; có biện pháp phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục.Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

**3. Điểm yếu**

Một số biện pháp nhằm phát huy năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên chưa phát huy hiệu quả tối ưu ở một vài giáo viên có tâm lý “an phận”, ngại thay đổi, phấn đấu để phát triển.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021 – 2022 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục duy trì và đảm bảo các quyền của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; phân công nhân sự phù hợp khả năng và sở trường của từng cá nhân. Bên cạnh đó, các Phó Hiệu trưởng quan tâm phát huy chức năng, vai trò của tổ trưởng chuyên môn, là “cầu nối” giữa các giáo viên trong tổ với cán bộ quản lý. Qua đó, các Phó Hiệu trưởng tìm hiểu, xây dựng các biện pháp phát huy ý thức tự học, tự vươn lên của từng giáo viên; kết hợp chặt chẽ giữa nâng cao nhận thức của giáo viên về trách nhiệm của bản thân đối với mục tiêu, kết quả cần đạt được của nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

***Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục***

Mức 1:

*a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện thực tế của nhà trường;*

*b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

*c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, và giáo dục trẻ em được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.*

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Các nhóm, lớp sử dụng phần mềm Mindjet – MindManager trong xây dựng kế hoạch giáo dục và lưu trữ ở mạng nội bộ. Nội dung của kế hoạch giáo dục được xây dựng phù hợp với Thông tư số 17/2019/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình Chương trình giáo dục mầm non; Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số [17/2009/TT-BGDĐT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-duc/thong-tu-17-2009-tt-bgddt-chuong-trinh-giao-duc-mam-non-92063.aspx%22%20%5Co%20%22Th%C3%B4ng%20t%C6%B0%2017/2009/TT-BGD%C4%90T%22%20%5Ct%20%22_blank) ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi; phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường [H1-1.8-01].

b) Kế hoạch giáo dục của các nhóm, lớp được xây dựng theo năm, tháng, tuần/chủ đề; được thực hiện đầy đủ các phần theo quy định từng lứa tuổi (các lĩnh vực phát triển, hoạt động vui chơi…) [H1-1.8-01].

c) Nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục kịp thời thông qua các hình thức như: duyệt kế hoạch giáo dục của các nhóm lớp (hằng tuần) [H1-1.8-01]; dự giờ tổ chức hoạt động [H1-1.8-02]; sinh hoạt chuyên môn định kỳ [H1-1.8-03]. Bên cạnh đó, giáo viên các nhóm lớp rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục qua nhận xét ngày, tháng/quý [H1-1.8-01].

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Tuy nhiên, kỹ năng điều chỉnh kế hoạch giáo dục ngày dựa trên kết quả quan sát, đánh giá trẻ ở một vài giáo viên chưa được linh hoạt, mềm dẻo [H1-1.1-05].

**2**. **Điểm mạnh**

Kế hoạch hoạt động giáo dục của các nhóm, lớp được thực hiện đầy đủ; được rà soát, đánh giá và điều chỉnh kịp thời. Công tác quản lý các hoạt động giáo dục của nhà trường được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

**3. Điểm yếu**

Kỹ năng điều chỉnh kế hoạch giáo dục ngày dựa trên kết quả quan sát, đánh giá trẻ ở một số giáo viên chưa được linh hoạt, mềm dẻo.

**4**. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2021 – 2022 và những năm tiếp theo, cán bộ quản lý nhà trường tiếp tục rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch phù hợp với quy định và điều kiện thực tế. Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục tăng cường kiểm tra, theo dõi, bồi dưỡng cho giáo viên kỹ năng xây dựng kế hoạch giáo dục, trong đó chú trọng bồi dưỡng kỹ năng điều chỉnh kế hoạch giáo dục ngày sao cho linh hoạt, mềm dẻo.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

***Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở***

Mức 1:

*a) Cán bộ, quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*

*b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

*c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.*

Mức 2:

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả.*

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường (theo quy định tại Thông tư/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập) [H1-1.1-04]; [H1-1.9-01].

b) Hằng năm, nhà trường có xây dựng kế hoạch về thực hiện côngtác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo năm học 2020 – 2021, trong đó có ban hành kèm theo nội quy tiếp công dân; phân công nhân sự tiếp công dân; có bố trí địa điểm tiếp công dân tại các điểm trường; có niêm yết nội quy tiếp công dân, lịch tiếp công dân và có lập sổ theo dõi tiếp công dân. Các trường hợp phản ánh, kiến nghị (nếu có) của cha mẹ trẻ được giải quyết đầy đủ, đúng quy định. Trong 05 năm liên tiếp, trường không có trường hợp khiếu nại, tố cáo [H1-1.9-02].

c) Hằng năm, nhà trường có thực hiện báo cáo quy chế dân chủ cơ sở về Đảng ủy Phường 2 và Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 11 [H1-1.9-03].

Mức 2:

Chi bộ, Ban thanh tra nhân dân của nhà trường có kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ với các nội dung như: kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ trong công tác tuyển sinh; kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ trong tổ chức hội nghị viên chức, người lao động; kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ; kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ trong xét thi đua khen thưởng; kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ trong chi lương, xét nâng lương, xét thực hiện Nghị quyết 03 về chi thu nhập tăng thêm. Các thành viên trong cấp ủy chi bộ và Ban thanh tra nhân dân do kiêm nhiệm nên đôi lúc còn bị động về công việc, chưa hoàn thành nội dung kiểm tra, giám sát theo đúng tiến độ [H1-1.9-01]; [H1-1.9-03].

**2**. **Điểm mạnh**

Các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường đều được thông qua tập thể, lấy ý kiến từ tập thể. Trường có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở; có biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ.

**3. Điểm yếu**

Các thành viên trong cấp ủy chi bộ và Ban thanh tra nhân dân do kiêm nhiệm nên đôi lúc còn bị động, chưa hoàn thành nội dung kiểm tra, giám sát theo đúng tiến độ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021 – 2022, Hiệu trưởng tiếp tục duy trì và thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong các hoạt động của trường. Cấp ủy chi bộ và Ban Thanh tra nhân dân tiếp tục tham gia các lớp học tập bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao năng lực công tác, phát huy tốt vai trò kiểm tra, giám sát được giao; xây dựng kế hoạch phân công cụ thể nội dung công việc cũng như trách nhiệm cụ thể cho từng cá nhân.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.10****:* ***Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học***

Mức 1:

*a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng chống cháy nổ; an toàn phòng chống thảm hoạ, thiên tai; phòng chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực trong nhà trường; những trường hợp có bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;*

*c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

Mức 2:

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng chống cháy nổ; an toàn phòng chống thảm hoạ, thiên tai; phòng chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có phối hợp với công an Phường 2 trong việc xây dựng kế hoạch và phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]. Ngoài ra, nhà trường còn có xây dựng các phương án đảm bảo: an toàn vệ sinh thực phẩm [H1-1.10-02]; an toàn phòng, chống tai nạn thương tích [H1-1.10-03]; an toàn phòng chống cháy nổ [H1-1.10-04]; an toàn, phòng, chống thảm hoạ, thiên tai [H1-1.10-05]; phương án phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-06]; phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực nhà trường [H1-1.10-07]. Bếp ăn của trường được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H1-1.10-08].

b) Nhà trường có hộp thư góp ý, đường dây nóng và phân công nhân sự tiếp công dân để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường [H1-1.9-02].

c) Nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.1-05].

Mức 2:

a) Nhà trường có phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em thực hiện phương án: đảm bảo an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.1-03].

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự thông qua các hình thức như: kiểm tra, giám sát trên camera; phân công nhân sự tiếp công dân, nắm bắt thông tin trong đội ngũ; kiểm tra đột xuất, định kỳ các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Do trường nằm trong hẻm cụt, đầu hẻm có hộ kinh doanh ăn uống, nên đôi lúc gây ảnh hưởng đến trật tự trong giờ phụ huynh đón trẻ [H1-1.1-05]; [H1-1.9-02].

**2**. **Điểm mạnh**

Trường có xây dựng và triển khai các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Trong những năm qua không xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm, tai nạn thương tích, dịch bệnh, cháy nổ, bạo lực học đường,.. trong nhà trường, được Uỷ ban nhân dân Quận 11 công nhận trường học an toàn.

**3. Điểm yếu**

Do trường nằm trong hẻm cụt, đầu hẻm có hộ kinh doanh ăn uống, nên đôi lúc gây ảnh hưởng đến trật tự trong giờ phụ huynh đón trẻ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021 – 2022 và những năm tiếp theo, cán bộ quản lý nhà trường tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học phù hợp với từng giai đoạn. Hiệu trưởng phản hồi và đề nghị với Công an Phường 2 trong việc tăng cường đảm bảo an ninh trật tự trường học trong giờ trả trẻ.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2**.**

**Kết luận về Tiêu chuẩn 1:**

+ Điểm mạnh nổi bật:

Trường Mầm non Phường 2 có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển phù hợp với mục tiêu giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, với nguồn lực của nhà trường. Cơ cấu tổ chức của nhà trường đầy đủ và hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ trường mầm non và pháp luật của Nhà nước. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và được đảm bảo các quyền theo quy định. Trường thực hiện quản lý tài chính, tài sản đúng quy định của pháp luật; thực hiện tốt quy chế dân chủ, công khai, minh bạch trong các hoạt động; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

+ Điểm yếu cơ bản:

Một số thành viên trong Hội đồng trường do mới nhận nhiệm vụ nên chưa linh hoạt, mạnh dạn đóng góp ý kiến rút kinh nghiệm các hoạt động. Bên cạnh đó, hiệu quả hoạt động của Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm chưa cao do một số thành viên trong hội đồng chưa có nhiều kinh nghiệm, kỹ năng tư vấn.

Thành viên trong mỗi tổ chuyên môn ở hai khối tuổi khác nhau nên việc trao đổi, thảo luận học tập kinh nghiệm về chuyên đề chưa sâu sát vào từng khối tuổi.

Một số biện pháp nhằm phát huy năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên chưa phát huy hiệu quả tối ưu ở một vài giáo viên có tâm lý an phận, ngại thay đổi, phấn đấu để phát triển.

Trường nằm trong khuôn viên hẻm các hộ nhà dân, đầu hẻm có hộ kinh doanh ăn uống, nên đôi lúc gây ảnh hưởng đến trật tự trong giờ phụ huynh đón trẻ.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

+ Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00.

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

**Mở đầu:**

Đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường có thời gian công tác trong ngành giáo dục nhiều năm, có đủ trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo quy định, có năng lực quản lý tổ chức các hoạt động nhà trường đạt hiệu quả, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Đội ngũ giáo viên có tinh thần học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin vào thực hiện nhiệm vụ, có năng lực tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả. Nhân viên của trường có trình độ đào tạo theo quy định, có tinh thần trách nhiệm phục vụ tốt cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của nhà trường được đánh giá xếp loại hằng năm và được đảm bảo các quyền lợi theo quy định của pháp luật.

***Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng***

Mức 1:

*a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*

*b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*

*c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

*a) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 2 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*

*b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hiệu trưởng – bà Phạm Thị Hoài An, có bằng đại học sư phạm mầm non; có 17 năm công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non, 09 năm làm công tác quản lý. Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục – bà Trần Thị Ngọc Đào có bằng đại học sư phạm mầm non, bằng thạc sĩ quản lý giáo dục; có 17 năm công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non, 11 năm làm công tác quản lý. Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng – bà Nguyễn Diệu Đan có bằng đại học sư phạm mầm non; có 25 năm công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non, 02 năm làm công tác quản lý. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng nhà trường đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý; có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực tổ chức, quản lý nhà trường và có đủ sức khoẻ [H1-1.4-01]; [H2-2.1-01].

b) Theo quy định Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non, năm học 2019 – 2020, các Phó Hiệu trưởng được đánh giá đạt khá; Hiệu trưởng được bổ nhiệm và điều động về trường vào tháng 9 năm 2020 nên chưa có kết quả đánh giá từ cấp trên [H2-2.1-01].

c) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đã được tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục như: bồi dưỡng học tập Nghị quyết, lý luận chính trị; bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, quản lý giáo dục; bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp, bồi dưỡng kiến thức An ninh quốc phòng … [H1-1.4-01].

Mức 2:

a) Theo quy định Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non, hiệu trưởng được bổ nhiệm và điều động về trường vào tháng 9 năm 2020 nên chưa có kết quả đánh giá từ cấp trên. Các Phó Hiệu trưởng được đánh giá đạt khá [H2-2.1-01].

b) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm. Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ quản lý đều mới nhận nhiệm vụ, do đó chưa có sự linh hoạt về nghiệp vụ quản lý giáo dục [H1-1.4-01]; [H2-2.1-01].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được đánh giá đạt ở mức khá trở lên theo quy định Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non [H2-2.1-01].

**2. Điểm mạnh**

Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng nhà trường đạt các yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường mầm non; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, lối sống lành mạnh và được sự tín nhiệm, đồng thuận từ giáo viên, nhân viên.

**3. Điểm yếu**

Đội ngũ cán bộ quản lý đều mới nhận nhiệm vụ, do đó chưa có sự linh hoạt về nghiệp vụ quản lý giáo dục.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021 – 2022 và những năm tiếp theo cán bộ quản lý tiếp tục chủ động tự học tập, nghiên cứu và tham gia các lớp học tập bồi dưỡng để nâng cao hơn nữa về nghiệp vụ quản lý; lắng nghe những góp ý của tập thể để có biện pháp khắc phục những thiếu sót trong quá trình chỉ đạo thực hiện.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

***Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên***

Mức 1:

*a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục theo quy định;*

*b) 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn theo qui định;*

*c) Có ít nhất 95% giáo viên đoạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*

*c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo ít nhất 65% đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn giáo viên ở mức tốt; đối với trường ở vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định tại Thông tư số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở Giáo dục mầm non, cụ thể: trường có 21 giáo viên, trong đó có 02 giáo viên chuyên trách phổ cập giáo dục; cơ cấu đủ số lượng 02 giáo viên cho mỗi nhóm lớp [H1-1.7-02].

b) Trường có 11 giáo viên trình độ đại học sư phạm mầm non, 04 giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm mầm non, 06 giáo viên trình độ trung cấp sư phạm mầm non. Hiện tại, trường có 06 giáo viên đang theo học lớp Đại học sư phạm mầm non (01 giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm mầm non; 05 giáo viên trình độ trung cấp sư phạm mầm non) và 01 giáo viên (chuyên trách phổ cập giáo dục) không tham dự lớp nâng chuẩn do trên 50 tuổi [H1-1.4-01].

c) 100% giáo viên của nhà trường được đánh giá xếp loại theo quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên. 100% giáo viên đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có 05 giáo viên đạt tốt, 14 giáo viên đạt khá [H2-2.2-01].

Mức 2:

a) Trường có 11/21 giáo viên trình độ đại học sư phạm mầm non (đạt 52%); 04/21 giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm mầm non (đạt 19%), trong đó có 01 giáo viên đang theo học lớp Đại học sư phạm mầm non; 06/21 giáo viên trình độ trung cấp sư phạm mầm non (đạt 29%), trong đó có 05 giáo viên đang theo học lớp Đại học sư phạm mầm non. Dự kiến đến hết năm 2022, trường có 20/21 giáo viên trình độ đại học sư phạm mầm non (đạt 95%) [H1-1.4-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp, trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H2-2.2-01].

c) Trong 05 năm liên tiếp, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-01].

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo (đại học sư phạm mầm non) đạt 52% [H1-1.4-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp, trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H2-2.2-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên cho nhóm lớp, đảm bảo 02 giáo viên/ lớp. 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường có 06/21 giáo viên trình độ trung cấp sư phạm mầm non (đạt 29%)

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021 – 2022 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục thực hiện kế hoạch nâng chuẩn, tạo điều kiện về thời gian cho giáo viên tham gia học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ (Dự kiến trong năm 2021, có thêm 03 giáo viên có trình độ đại học sư phạm mầm non; năm 2022 có thêm 02 giáo viên có trình độ đại học sư phạm mầm non). Chủ tịch công đoàn quan tâm, kịp thời giúp đỡ, động viên, khuyến khích công đoàn viên hoàn thành lớp nâng chuẩn chuyên môn.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

***Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên***

Mức 1:

*a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm bảo các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*

*b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*

*c) Hoàn thành nhiệm vụ được giao.*

Mức 2:

*a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

*a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*

*b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên thủ quỹ kiêm văn thư, 01 nhân viên y tế [H1-1.7-02]. Nhà trường có ký kết hợp đồng với công ty Vilado cung cấp các lao động, cụ thể: 03 nhân viên nấu ăn, 02 nhân viên phục vụ, 02 nhân viên bảo vệ. Số lượng nhân viên đáp ứng nhu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường [H2-2.3-01].

b) Đội ngũ nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người [H1-1.7-02].

c) Hằng năm, nhà trường đều thực hiện đánh giá, phân loại viên chức và người lao động. 100% nhân viên nhà trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H2-2.3-02].

Mức 2:

a) Nhà trường có đủ số lượng nhân viên theo quy định tại Thông tư số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ nội vụ, quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.7-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp trường không có nhân viên bị kỉ luật dưới mọi hình thức [H2-2.3-02].

Mức 3:

a) Nhân viên nhà trường có trình độ như sau: Nhân viên kế toán có trình độ đại học chuyên ngành kế toán, nhân viên thủ quỹ kiêm văn thư có trình độ đại học chuyên ngành kế toán và chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư lưu trữ, nhân viên y tế trình độ trung cấp y sĩ. Nhà trường có ký kết hợp đồng với công ty VILADO cung cấp các lao động: 03 nhân viên nấu ăn có chứng chỉ về nghiệp vụ cấp dưỡng, 02 nhân viên phục vụ, 02 nhân viên bảo vệ chưa có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ [H1-1.4-01].

b) Hằng năm, các nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công [H1-1.4-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ nhân viên theo quy định, nhiệt tình trong công tác, có tinh thần học tập và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhân viên của trường được phân công nhiệm vụ phù hợp khả năng, nghiệp vụ được đào tạo.

**3. Điểm yếu**

Nhân viên bảo vệ chưa qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021 – 2022 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục rà soát và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên. Hiệu trưởng làm việc với công ty Vilado đăng ký lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho nhân viên bảo vệ tham dự học lớp nghiệp vụ.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 2:**

+ Điểm mạnh nổi bật:

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường đảm bảo đủ số lượng theo đúng quy định; được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công. Luôn có tinh thần trách nhiệm, thực hiện nghiêm túc các quy định của ngành và nội quy của nhà trường và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

+ Điểm yếu cơ bản:

Đội ngũ cán bộ quản lý đều mới nhận nhiệm vụ, do đó chưa có sự linh hoạt về nghiệp vụ quản lý giáo dục.

Nhà trường có 06/21 giáo viên trình độ trung cấp sư phạm mầm non.

Nhân viên bảo vệ chưa qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03.

+ Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00.

**Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

**Mở đầu:**

Nhà trường có 03 cơ sở, trong đó cơ sở 01 tọa lạc tại số 286/1-3-5-7 Minh Phụng, Phường 02, Quận 11; cơ sở 02 tọa lạc tại số 286/2-4 Minh Phụng, Phường 02, Quận 11; cơ sở 03 tọa lạc tại 364 Hàn Hải Nguyên, Phường 10, Quận 11.

Nhà trường được Ủy ban nhân dân, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 11 quan tâm đầu tư cải tạo, sửa chữa ở cả 03 điểm trường đã tạo nên một diện mạo mới với môi trường học tập khang trang, xanh, sạch và đẹp. Bên cạnh đó, những năm qua nhà trường không ngừng đầu tư bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu vui chơi, học tập, sinh hoạt cho trẻ. Diện tích các phòng cho trẻ sinh hoạt và học tập đảm bảo theo Điều lệ trường mầm non. Nhà trường còn có đầy đủ các thiết bị, đồ dùng đồ chơi đáp ứng mục tiêu chương trình giáo dục mầm non và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi theo quy định.

***Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn***

Mức 1:

*a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;*

*b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;*

*c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.*

Mức 2:

*a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;*

*b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;*

*c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).*

Mức 3:

 *Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Tổng diện tích sàn của nhà trường là 1827m2. Tổng số trẻ đang theo học là 200 trẻ. Diện tích đất bình quân/1 trẻ: 9,1m2 [H3-3.1-01].

b) Các cơ sở của trường có cổng, biển tên trường; có tường và hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo sạch sẽ, phù hợp với cảnh quan, môi trường; thân thiện và an toàn cho trẻ [H3-3.1-02].

c) Tại cơ sở 01, trường đã tận dụng, cải tạo khu vực sảnh các tầng và sân trước để làm sân chơi chung cho trẻ ở cơ sở 01 và cơ sở 02. Cơ sở 03 có sân chơi riêng cho trẻ. Tại các sân chơi, cây xanh được bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường; đảm bảo an toàn cho trẻ khi hoạt động và đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng [H3-3.1-03].

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn của trường chưa đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907: 2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên trường có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có tận dụng, cải tạo khu vực sảnh các tầng và sân trước để làm sân chơi chung cho trẻ. Trường có bố trí cây xanh ở các sân chơi, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập. Tuy nhiên, do hạn chế về diện tích sân chơi nên cây xanh ở trường chủ yếu là các loại cây kiểng, không có cây xanh tạo bóng mát [H3-3.1-03].

c) Do đặc thù về diện tích sân chơi nên trường không thể trang bị đầy đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định tại Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT. Tuy nhiên, trường có bổ sung thiết bị và đồ chơi ngoài danh mục phù hợp thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ [H3-3.1-03].

Mức 3:

Trường không có sân vườn [H3-3.1-03].

**2. Điểm mạnh**

Trường được xây dựng kiên cố, có biển tên trường. Khuôn viên trường đảm bảo sạch sẽ, phù hợp với cảnh quan, môi trường; thân thiện và an toàn cho trẻ.

**3.** **Điểm yếu**

Sân chơi của trẻ ở cơ sở 01 và cơ sở 02 được tận dụng, cải tạo từ khu vực sảnh các tầng và sân trước ở cơ sở 01. Do đó, trường không có cây xanh tạo bóng mát và không thể trang bị đầy đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định tại Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021 – 2022 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng chỉ đạo các bộ phận tiếp tục kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng khuôn viên, thiết bị và đồ chơi ngoài trời để đảm bảo an toàn cho trẻ khi vui chơi. Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch trang bị bổ sung thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo hướng khuyến khích trẻ tham gia hoạt động tích cực, sáng tạo, có thể lắp ráp, sử dụng theo nhiều cách khác nhau, đảm bảo phù hợp với diện tích và quy định.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

***Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập***

Mức 1:

*a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với nhóm, lớp theo độ tuổi;*

*b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo) có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*

*c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện) có tủ hồ sơ, thiết bị dạy học.*

Mức 2:

*a) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng để giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;*

*b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

a) Trường có 09 phòng học cho 09 nhóm, lớp: cơ sở 01 có 04 phòng học cho 01 lớp mẫu giáo 3 – 4 tuổi và 03 lớp mẫu giáo 5 – 6 tuổi; cơ sở 02 có 02 phòng học cho 01 nhóm 25 – 36 tháng và 01 lớp mẫu giáo 3 – 4 tuổi, cơ sở 03 có 03 phòng học cho 03 lớp mẫu giáo 4 – 5 tuổi [H3-3.1-01].

b) Trường có phòng sinh hoạt chung cho các nhóm lớp, phòng sinh hoạt chung được sử dụng dùng làm phòng ngủ cho các cháu với diện tích bình quân 48m2/ lớp. Trường có 02 phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất (tại cơ sở 1 – 61m2, cơ sở 3 – 43m2) và 01 phòng giáo dục nghệ thuật (tại cơ sở 1 – 46m2); đảm bảo đáp ứng nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H3-3.1-01]; [H3-3.2-01].

c) Trường có đầy đủ hệ thống đèn, hệ thống quạt được trang bị ở các phòng; có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học [H1-1.6-03]; [H3-3.2-02].

Mức 2:

a) Các đồ dùng, thiết bị ở các phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật đầy đủ và phù hợp với nhu cầu phát triển của trẻ. Tổng diện tích phòng sinh hoạt chung và phòng ngủ là 620m2, tổng số trẻ là 200 trẻ, diện tích trung bình 01 trẻ là 3,1m2; đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng. Diện tích phòng giáo dục thể chất tại cơ sở 2 (43m2) và phòng giáo dục nghệ thuật tại cơ sở 01 (46m2) chưa đảm bảo yêu cầu tối thiểu theo quy định. Ngoài ra, phòng giáo dục thể chất tại cơ sở 02 còn nóng khi về trưa, chiều; ánh sáng ở tại phòng giáo dục thể chất tại cơ sở 03 chưa đảm bảo vào những ngày mưa [H3-3.1-01]; [H3-3.2-01].

b) Trường có đầy đủ tủ, kệ và giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu; đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi giáo viên và trẻ sử dụng [H1-1.6-03]; [H3-3.2-02].

Mức 3:

Trường có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với âm nhạc, không có phòng riêng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học [H3-3.1-01]; [H3-3.2-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ số phòng tương ứng với số nhóm, lớp. Các phòng có đầy đủ hệ thống đèn, quạt; có tủ đựng hồ sơ và kệ đựng dùng, đồ chơi; đảm bảo an toàn, thuận tiện và đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại trường.

**3.** **Điểm yếu**

Phòng giáo dục thể chất tại cơ sở 2 còn nóng khi về trưa, chiều; ánh sáng ở phòng giáo dục thể chất tại cơ sở 3 chưa đảm bảo vào những ngày mưa.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021 – 2022 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch bảo dưỡng, duy trì hiệu quả của các phòng sinh hoạt, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật. Phó Hiệu trưởng tăng cường kiểm tra, rà soát và xây dựng đề xuất sửa chữa, trang bị bổ sung kịp thời đồ dùng, thiết bị hư hỏng ở các phòng theo bộ phận phụ trách. Hiệu trưởng trang bị thêm quạt cho phòng giáo dục thể chất tại cơ sở 2 và đèn cho phòng giáo dục thể chất tại cơ sở 3.

 **5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

***Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính*** *-* ***quản trị.***

Mức 1:

*a) Có các loại phòng theo quy định;*

*b) Các trang thiết bị tối thiểu để làm việc (có máy tính và các phương tiện làm việc);*

*c) Khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.*

Mức 2:

*a) Đảm bảo diện tích theo quy định;*

*b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.*

Mức 3:

*Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có 01 phòng hiệu trưởng; 02 phòng phó hiệu trưởng; 01 phòng hành chính quản trị; 02 phòng y tế và 01 phòng cách ly y tế; 01 phòng bảo vệ; 05 khu vệ sinh cho giáo viên, cán bộ, nhân viên; 02 khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Trường tận dụng phòng giáo dục nghệ thuật làm phòng nghỉ dành cho nhân viên và văn phòng họp [H3-3.1-01].

b) Các phòng đều được trang bị đầy đủ các trang thiết bị tối thiểu phục vụ cho công việc đặc thù của từng thành viên như: máy vi tính, máy in, máy scan, điện thoại cố định, tủ để hồ sơ [H1-1.6-03].

c) Trường tận dụng khu vực sân trước tại cơ sở 01 và khu vực sân trong tại cơ sở 02 làm khu để xe cho giáo viên, cán bộ, nhân viên. Khu để xe có hàng rào chắn, đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3.3-01].

Mức 2:

a) Diện tích các phòng thuộc khối phòng hành chính – quản trị chưa đảm bảo đủ diện tích theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-01].

b) Các khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi. Tuy nhiên, khu vực để xe ở cơ sở 01 còn nắng [H3-3.3-01].

Mức 3:

Khối phòng hành chính – quản trị chưa đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907: 2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.1-01].

**2. Điểm mạnh**

Các phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng y tế, phòng cách ly y tế, phòng hành chính quản trị và phòng bảo vệ đều có trang thiết bị tối thiểu để làm việc.

**3. Điểm yếu**

Khu vực để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ở cơ sở 01 còn nắng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021 – 2022 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục rà soát, xây dựng kế hoạch bảo dưỡng, trang bị bổ sung trang thiết bị tại các phòng thuộc khối phòng hành chính – quản trị. Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch trang bị thay mới mái che tại khu vực để xe ở cơ sở 01; thay đổi vị trí các phòng y tế, phòng phòng cách ly y tế và phòng sinh hoạt lớp Mầm 1 (cơ sở 01 và 02) để di chuyển khu vực để xe ở cơ sở 01 qua tầng trệt cơ sở 02.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

***Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn***

Mức 1:

*a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;*

*b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;*

*c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.*

Mức 2:

*Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.*

Mức 3:

*Bếp ăn đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có bếp ăn tại cơ sở 01, được xây dựng kiên cố với diện tích 106m2 và được trang bị đầy đủ thiết bị đồ dùng theo qui định [H3-3.1-01].

b) Trường có kho thực phẩm, chủ yếu chứa sữa cho trẻ; được Trung tâm Y tế Dự phòng Quận 11 kiểm tra và chứng nhận đạt các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm [H3-3.4-01]; [H3-3.4-02].

c) Trường trang bị 01 tủ lạnh lưu mẫu thức ăn riêng đặt tại phòng y tế và lưu mẫu hằng ngày theo qui định [H3-3.4-03].

Mức 2:

Bếp ăn của trường được được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều, gồm các khu vực: khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn [H3-3.4-04]. Nhà bếp có đầy đủ đồ dùng phục vụ trẻ em ăn bán trú tại trường; có dụng cụ chế biến thực phẩm đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm; có tủ lạnh để lưu mẫu thực phẩm của trẻ em bán trú [H1-1.6-04]; có đủ nước sử dụng, chất lượng nước đã được cơ quan y tế kiểm định; đảm bảo việc xử lí các chất thải đúng quy định; đảm bảo yêu cầu phòng chống cháy nổ [H3-3.4-02].

Mức 3:

Bếp ăn thông thoáng, đủ ánh sáng; có trang bị đèn bắt côn trùng tại các cửa sổ; tường, trần nhà và sàn nhà nhẵn, bằng phẳng, thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng; bàn, ghế, dụng cụ, phương tiện chủ yếu được làm bằng inox dễ cọ rửa; có đủ các phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho việc làm vệ sinh và khử trùng; dụng cụ chứa thức ăn và sử dụng để ăn uống chủ yếu được làm bằng inox và nhựa nên dễ làm vệ sinh và không thôi nhiễm yếu tố độc hại; có tủ bảo quản thực phẩm; có hệ thống cung cấp nước sạch và chỗ rửa tay với xà phòng; có phương tiện phân loại, thu gom và vận chuyển rác, thực phẩm, thức ăn thừa; các dụng cụ chứa đựng rác được làm bằng vật liệu chắc chắn, có nắp đậy và thuận tiện cho việc làm vệ sinh. Cửa sổ của bếp ăn chưa có lưới để chống chuột, ruồi, nhặng, gián hoặc các côn trùng có hại khác.Dokhu vực của bếp ở vị trí tầng 03 tiếp xúc với ánh nắng mặt trời, nên mặc dù nhà trường đã trang bị quạt máy, máy hút, quạt gió nhưng về trưa khi nắng lên vẫn rất nóng [H1-1.6-04]; [H3-3.4-02].

**2. Điểm mạnh**

Bếp ăn được xây dựng kiên cố, rộng, thoáng; được trang bị đầy đủ đồ dùng phục vụ công tác bán trú và đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm.

**3. Điểm yếu**

Cửa số của bếp ăn trường chưa có lưới để chống chuột, ruồi, nhặng, gián hoặc các côn trùng có hại khác.Khu vực của bếp ở vị trí tầng 03 tiếp xúc với ánh nắng mặt trời nhiều, mặc dù nhà trường đã trang bị quạt máy, máy hút, quạt gió nhưng về trưa khi nắng lên vẫn rất nóng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021 – 2022 và những năm tiếp theo, Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng rà soát và tiếp tục trang bị, cải tiến một số trang thiết bị cho bếp ăn tại trường theo hướng giảm tải lao động cho nhân viên, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng tham khảo từ trường bạn về thực hiện lưới chống chuột, côn trùng ở cửa sổ bếp và tham mưu cho hiệu trưởng. Hiệu trưởng tham mưu và thực hiện công văn đề xuất trình Phòng Giáo dục Đào tạo Quận 11 và Phòng Tài chính kế hoạch Quận 11 thực hiện lưới chống chuột, côn trùng ở cửa sổ bếp; sửa chữa khu vực nhà bếp để giảm độ nóng trong bếp.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi***

Mức 1:

*a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*

*b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;*

*c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

Mức 2:

*a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*

*c) Hằng năm, được bổ sung các trang thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.*

Mức 3:

*Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 Ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H3-3.2-02].

b) Nhà trường có trang bị thêm đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học ngoài danh mục quy định và do giáo viên tự làm. Các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định đảm bảo tính giáo dục, an toàn và phù hợp với trẻ [H3-3.2-02].

c) Hằng năm, nhà trường đều thực hiện kiểm kê các thiết bị trong và ngoài lớp. Qua đó tiến hành sửa chữa, thay thế, bổ sung, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi trong năm học mới sao cho phù hợp với kinh phí của nhà trường [H3-3.5-01].

Mức 2:

a) Trường có 09 máy vi tính cho 09 lớp phục vụ cho công tác dạy học và 07 máy vi tính phục vụ cho công tác quản lý. Tất cả máy vi tính đều được kết nối Internet. Riêng các máy vi tính của cán bộ quản lý và của lớp được kết nối mạng nội bộ nhằm phục vụ cho công tác quản lý việc xây dựng kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ của giáo viên các nhóm, lớp [H3-3.5-02].

b) Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.2-02].

c) Hằng năm nhà trường có bổ sung thêm các thiết bị dạy học mở rộng (thiết bị dạy học ngoài danh mục thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015) và các thiết bị dạy học do giáo viên tự làm. Tuy nhiên, một số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm chưa đảm bảo độ bền và hiệu quả. Bên cạnh đó, do số học sinh ít nên trường còn gặp khó khăn về kinh phí, dẫn đến số lượng đồ dùng, trang thiết bị trang bị bổ sung còn hạn chế [H3-3.2-02].

Mức 3:

Các trang thiết bị ngoài danh mục quy định của nhà trường được khai thác, sử dụng thường xuyên; hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục; nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H3-3.2-02].

**2. Điểm mạnh**

100% máy tính của trường được kết nối Internet. Nhà trường trang bị các thiết bị dạy học theo quy định, đảm bảo an toàn, phù hợp với trẻ theo từng lứa tuổi. Nhà trường có kiểm tra định kì các trang thiết bị và kịp thời sửa chữa, bổ sung.

**3. Điểm yếu**

Một số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm chưa đảm bảo độ bền và hiệu quả.Việc trang bị đồ dùng, trang thiết bị còn gặp khó khăn về kinh phí.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021 – 2022 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng chỉ đạo các Phó Hiệu trưởng tiếp tục tăng cường kiểm tra, rà soát kịp thời sửa chữa, bổ sung đồ dùng, đồ chơi và trang thiết bị dạy học. Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch huy động sự hỗ trợ từ mạnh thường quân theo từng giai đoạn. Hiệu trưởng tiếp tục duy trì tổ chức các hội thi về làm đồ dùng hoặc xây dựng môi trường giáo dục và tổ chức cho giáo viên tham quan, trao đổi học tập kinh nghiệm từ đồng nghiệp. Tổ trưởng chuyên môn quan tâm tổ chức cho các thành viên trong tổ thảo luận, trao đổi ý tưởng sáng tạo về một số thiết bị dạy học tự làm, đảm bảo thẩm mỹ, độ bền và hiệu quả (khuyến khích trẻ tham gia hoạt động tích cực, sáng tạo, có thể sử dụng theo nhiều cách sáng tạo khác nhau).

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

***Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống thoát nước***

Mức 1:

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;*

*b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường, hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;*

*c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

Mức 2:

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản ý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;*

*b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Các phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được giáo viên, nhân viên tẩy rửa hàng ngày, hàng tuần đảm bảo không ô nhiễm môi trường [H3-3.4-02].

b) Trường có hệ thống thoát nước đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, được xử lý thường xuyên để đảm bảo vệ sinh an toàn, vệ sinh môi trường. Trường sử dụng nguồn nước máy của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân trong sinh hoạt cho trẻ, nhân viên, giáo viên trong trường. Bên cạnh đó, trường ký hợp đồng với Hộ kinh doanh thực phẩm và nước khoáng Hoàng Khang để cung cấp nước uống Ion Water [H3-3.6-01]. Nguồn nước đạt tiêu chuẩn qua các lần xét nghiệm mẫu nước định kỳ trong năm [H3-3.6-02].

c) Nhà trường có thùng đựng và phân loại rác thải; bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác tạm thời trong nhà trường; các phương tiện, dụng cụ thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Rác thải được thu gom hằng ngày; đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-02]; [H3-3.6-03].

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ ở cơ sở 01 và 02 được xây dựng liền kề với phòng sinh hoạt chung, thuận tiện cho sử dụng và dễ quan sát. Riêng cơ sở 03 là dạng nhà dân tiếp thu cải tạo sửa chữa, diện tích nhỏ nên nhà vệ sinh của trẻ còn sử dụng chung cho cả 03 lớp mẫu giáo 4 – 5 tuổi. Phòng vệ sinh cho trẻ mẫu giáo có vách ngăn cho trẻ em trai, trẻ em gái; tuy nhiên các vách ngăn ở lớp Mầm 2 còn quá cao so với trẻ, cản trở quan sát của giáo viên. Khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên chưa có khu vệ sinh riêng cho nam và nữ. Các phòng vệ sinh có đầy đủ các trang thiết bị [H3-3.1-01].

b) Hệ thống cung cấp nước sạch đáp ứng quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT**-**BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học [H3-3.6-01]; [H3-3.6-02]. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải của trường đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT**-**BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học: có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp; có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, khu vệ sinh; có hợp đồng với cơ sở đủ điều kiện thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt [H3-3.4-02]; [H3-3.6-03].

**2. Điểm mạnh**

Trường có hệ thống nước sạch, đảm bảo nguồn nước phục vụ cho mọi sinh hoạt trong nhà trường; hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

**3. Điểm yếu**

Nhà vệ sinh cho trẻ ởcơ sở 03 còn sử dụng chung cho cả 03 lớp mẫu giáo 4 – 5 tuổi. Phòng vệ sinh cho trẻ mẫu giáo 3 – 4 tuổi có vách ngăn còn quá cao so với trẻ. Khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên chưa có khu vệ sinh riêng cho nam và nữ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021 – 2022 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục ký hợp đồng với các công ty cung cấp nguồn nước sạch; tiếp tục duy trì hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Hiệu trưởng liên hệ công ty sửa chữa điều chỉnh vách ngăn ở phòng vệ sinh cho trẻ lớp Mầm 2. Đồng thời, Hiệu trưởng tham mưu, thực hiện công văn đề xuất trình Ủy ban nhân dân Quận 11 xây mới cơ sở 03 và cải tạo sửa chữa 01 nhà vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên ở cơ sở 02 thành nhà vệ sinh nam.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 3:**

+ Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có đủ các phòng học theo quy định, các phòng đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Nhà trường thường xuyên kiểm tra, nâng cấp, sửa chữa, mua sắm các trang thiết bị.

Bếp ăn của trường được xây dựng kiên cố, hoạt động theo quy trình bếp một chiều, đầy đủ đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Trường có hệ thống thoát nước tốt đảm bảo vệ sinh môi trường, có nguồn nước sạch và hợp vệ sinh, đảm bảo an toàn cho giáo viên, nhân viên và trẻ. Hệ thống cống rãnh của nhà trường được lắp đặt thi công đạt yêu cầu, thoát nước tốt, không xảy ra tình trạng ứ đọng nước khi sử dụng.

+ Điểm yếu cơ bản:

Sân chơi của trẻ ở cơ sở 01 và 02 được tận dụng, cải tạo từ khu vực sảnh các tầng và sân trước ở cơ sở 01. Do đó, trường không có cây xanh tạo bóng mát và không thể trang bị đầy đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định.

Nhà vệ sinh cho trẻ ởcơ sở 03 còn sử dụng chung cho cả 03 lớp mẫu giáo 4 – 5 tuổi. Khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên chưa có khu vệ sinh riêng cho nam và nữ.

Một số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm chưa đảm bảo độ bền và hiệu quả. Việc trang bị đồ dùng, trang thiết bị còn gặp khó khăn về kinh phí, không thể thực hiện đồng loạt.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

+ Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00.

**Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu**:

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, lớp và hoạt động theo đúng quy định. Nhà trường luôn chủ động phối hợp với cha mẹ trẻ trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ, luôn làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân ở địa phương nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng nhà trường ngày càng khang trang, hiện đại.

***Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ***

Mức 1:

*a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*

*b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

*c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.*

Mức 3:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, mỗi nhóm lớp tổ chức họp và bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh gồm 01 trưởng ban và 01 phó ban. Thông qua Hội nghị Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp, bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường gồm 05 thành viên, trong đó có 01 trưởng ban, 01 phó ban và 03 ủy viên. Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh (Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011) [H4-4.1-01].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh có kế hoạch hoạt động từng năm học theo quy định của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đàotạo ban hành [H4-4.1-01].

c) Căn cứ vào kế hoạch hoạt động đã được thông qua trong buổi họp đầu năm và qua tiếp xúc giữa phụ huynh và giáo viên, Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch và đúng tiến độ, kịp thời đóng góp ý kiến, phối hợp tốt trong các hoạt động của nhà trường, của lớp, nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ [H4-4.1-01].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh có phối hợp tốt, hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục. Tuy nhiên, Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường chưa thực hiện hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ em [H4-4.1-01].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh có sự phối hợp tốt với nhà trường trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập theo Thông tư số 55/2011/TT-BG ĐT ngày 22/11/2011. Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động tích cực, có kế hoạch hoạt động cụ thể và huy động được sự tham gia đóng góp tự nguyện về vật chất và tinh thần của phụ huynh.

**3. Điểm yếu**

Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường chưa thực hiện hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ em.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021 – 2022 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh theo đúng quy định. Bên cạnh đó, cán bộ quản lý cùng giáo viên vận động, tư vấn Ban đại diện cha mẹ học sinh phụ huynh dành nhiều thời gian nghiên cứu, phối hợp cùng nhà trường tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ em.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

***Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường***

Mức 1:

*a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

Mức 2:

*a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

*b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.*

Mức 3:

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường có tham mưu, phối hợp với Đảng ủy, Ủy ban Nhân dân Phường 2 trong tổ chức các hoạt động của nhà trường như: huy động trẻ trong độ tuổi mầm non tại phường ra lớp; phổ cập giáo dục trẻ mầm non 5 tuổi; đảm bảo an ninh trật tự trường học; tổ chức tham quan; xây dựng đơn vị văn hóa; đề xuất danh sách nhân sự quy hoạch cán bộ quản lý tại đơn vị [H1-1.1-03]; [H1-1.1-03]; [H4-4.2-01].

b) Nhà trường tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức, cụ thể như: tuyên truyền thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ; qua hội thảo; qua thao giảng; qua bảng tuyên truyền của trường, lớp và qua cổng thông tin điện tử của trường [H4-4.1-01]; [H4-4.2-02].

c) Nhà trường thực hiện huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trên tinh thần tự nguyện và theo đúng quy định. Khi nhận sự tài trợ của các mạnh thường quân có hồ sơ quản lý xã hội hóa giáo dục cụ thể cho từng công trình. Tuy nhiên, do trường nằm trong khu vực có phụ huynh là người lao động có thu nhập trung bình, do đó các nguồn lực cá nhân huy động chưa cao [H4-4.2-03].

Mức 2:

a) Nhà trường có tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, nhiệm vụ năm học giúp nhà trường hoàn thành chỉ tiêu các năm học. Tuy nhiên, trường chưa xây dựng được kế hoạch tham mưu về cải tạo cơ sở vật chất tại cơ sở 02 và cơ sở 03 theo đúng tiêu chuẩn về thiết kế trường mầm non [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

b) Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể, Ban đại diện cha mẹ học sinh, Ban chỉ huy quân đội Quận 11, chuyên trách phổ cập giáo dục Phường 2 và Ban Giám hiệu trường tiểu học Nguyễn Thi để tổ chức các hoạt động tham quan, lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của Quận 11 như: Bé vui hội trăng rằm, Ngày Nhà giáo Việt Nam, Bé vui xuân, Bé yêu mẹ và cô, Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, Ngày Giỗ Quốc tổ Hùng Vương, Bé tham quan trường tiểu học [H4-4.2-03].

Mức 3:

Nhà trường chưa tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**2. Điểm mạnh**

 Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân, trong đó có sự tham gia đóng góp tích cực của cha mẹ học sinh để xây dựng cơ sở vật chất, môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

**3. Điểm yếu**

Các nguồn lực cá nhân huy động chưa cao. Trường chưa xây dựng được kế hoạch tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về cải tạo cơ sở vật chất tại cơ sở 02 và cơ sở 03 theo đúng tiêu chuẩn thiết kế trường mầm non.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021 – 2022 và những năm tiếp theo, nhà trường sẽ tiếp tục phát huy sự chủ động, tham mưu với cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương để thực hiện tốt kế hoạch giáo dục của nhà trường. Bên cạnh đó, tăng cường tuyên truyền nội dung và hoạt động giáo dục của nhà trường đến phụ huynh bằng nhiều hình thức nhằm thu hút sự quan tâm, hỗ trợ từ phụ huynh. Xây dựng kế hoạch tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về xây mới cơ sở 2 và cơ sở 3 theo đúng tiêu chuẩn thiết kế trường mầm non.

**5. Tự đánh giá**: đạt Mức 1.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 4:**

+ Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh, hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ ban đại diện cha mẹ học sinh; thực hiện tốt việc tuyên truyền và có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường và cha mẹ học sinh trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ.

Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân, trong đó có sự tham gia đóng góp của cha mẹ học sinh để xây dựng cơ sở vật chất, môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

+ Điểm yếu cơ bản:

Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường chưa thực hiện hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ em.

Các nguồn lực cá nhân huy động chưa cao. Trường chưa tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về xây mới cơ sở 2 và cơ sở 3 theo đúng tiêu chuẩn thiết kế trường mầm non.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02.

+ Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00.

**Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ**

**Mở đầu:**

Nhà trường luôn xác định hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để từ đó xác định các nhiệm vụ khác theo định hướng tập trung các điều kiện nhân lực, vật lực đảm bảo chất lượng hiệu quả tốt nhất. Luôn đảm bảo 100% số trẻ đến trường được an toàn về thể chất tinh thần, được phát triển bình thường khỏe mạnh theo độ tuổi. Giáo viên biết sử dụng phương pháp dạy học tích cực, hình thức giáo dục đa dạng được tổ chức lồng ghép trong các hoạt động giúp trẻ có sự phát triển toàn diện theo các lĩnh vực phát triển, đáp ứng được những kết quả mong đợi ở trẻ từ mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non.

***Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non***

Mức 1:

*a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*

 *b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*

*c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

Mức 2:

*a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*

*b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

Mức 3:

*a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương;*

*b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Mỗi năm học, căn cứ vào sự chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 11, nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, trong đó có nội dung tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi [H1-1.1-03]. Trên cơ sở đó, nhà trường chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giáo dục mầm non của từng nhóm lớp theo năm, tháng, ngày; đảm bảo phù hợp với nội dung và thời gian thực hiện theo kế hoạch của nhà trường [H1-1.8-01].

b) Dựa trên điều kiện thực tế của nhà trường và đặc điểm của các độ tuổi, nhà trường cùng với các tổ trưởng chuyên môn, giáo viên của từng nhóm lớp đã phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và tiến hành xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non của từng nhóm lớp (trên phần mềm Mindjet – Mind Manager) phù hợp với quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục [H5-5.1-01]; [H1-1.8-01].

c) Cán bộ quản lý nhà trường kết hợp chặt chẽ cùng với giáo viên các nhóm lớp thường xuyên tiến hành rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo định kỳ (ngày, tháng/quý) và đột xuất (theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên). Từ đó có thực hiện điều chỉnh kịp thời, phù hợp [H1-1.1-05]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-03]; [H5-5.1-01].

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng. Trẻ phát triển tốt về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, thẩm mỹ, hình thành cho trẻ một số kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, giúp trẻ có hành vi, thói quen, tự tin, chủ động, biết bày tỏ cảm xúc và ý kiến cá nhân, đoàn kết với bạn bè, mạnh dạn trong giao tiếp, lễ phép với người lớn đáp ứng được mục tiêu của Chương trình Giáo dục mầm non [H1-1.1-05]; [H1-1.8-01].

b) Dựa trên điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương và đặc điểm của các độ tuổi, nhà trường đã phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và tiến hành xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non của từng nhóm lớp. Tuy nhiên, kỹ năng phát triển, xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non của một vài giáo viên chưa linh hoạt theo khả năng của từng nhóm trẻ [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01].

Mức 3:

a) Nhà trường chưa đủ điều kiện phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới [H5-5.1-01].

b) Hằng năm nhà trường tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục. Từ đó, rút kinh nghiệm và điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em [H1-1.1-05].

**2. Điểm mạnh**

Trường thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng và có tiến hành rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục hàng ngày hàng tháng, từ đó điều chỉnh kịp thời, phù hợp mục tiêu từng độ tuổi.

**3. Điểm yếu**

Kỹ năng phát triển, xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non của một vài giáo viên chưa linh hoạt theo khả năng của từng nhóm trẻ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2021 – 2022 và những năm tiếp theo, Phó Hiệu trưởng tiếp tục tổ chức “Rút kinh nghiệm việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non” của năm học trước cho giáo viên; cung cấp cho giáo viên các tài liệu hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục mầm non; kiểm tra kế hoạch giáo dục; dự hoạt động giáo dục của giáo viên nhóm, lớp. Qua đó, theo dõi, bồi dưỡng giáo viên xây dựng nội dung, phương pháp giáo dục linh hoạt theo khả năng của từng nhóm trẻ qua các hoạt động. Tổ trưởng chuyên môn tổ chức cho giáo viên tìm kiếm, trao đổi ý tưởng về hệ thống các bài tập phù hợp với nội dung giáo dục và khả năng của từng nhóm trẻ.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ***

Mức 1:

*a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*

*b) Tổ chức môi trường giáo cụ theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*

*c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ em và điều kiện thực tế.*

Mức 2:

*Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 3:

*Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Dựa trên kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, và giáo dục trẻ, đặc điểm trẻ và điều kiện thực tế của trường, lớp; giáo viên thực hiện linh hoạt các phương pháp giáo dục trẻ như quan sát, đàm thoại, động viên, nêu gương... trong tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, và giáo dục trẻ; đảm bảo phù hợp với mục tiêu và nội dung giáo dục trẻ [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

b) Môi trường trong và ngoài lớp được chú trọng tổ chức theo quan điểm “Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”; tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm dựa trên hứng thú, nhu cầu của trẻ. Môi trường giáo dục trong lớp được giáo viên thiết kế dựa trên nội dung kế hoạch giáo dục trẻ của từng nhóm lớp; có nhiều các nguyên vật liệu để trẻ thực hành trải nghiệm; quan tâm chú trọng đến góc thực hành các kỹ năng sáng tạo như, tô, vẽ, xé dán, lắp ráp các sản phẩm theo ý thích; sử dụng sản phẩm của trẻ để trang trí; các mảng tường được thiết kế các bài tập cho trẻ thực hiện. Môi trường giáo dục ngoài lớp cũng được nhà trường quan tâm đầu tư về kinh phí; sân chơi tận dụng các ngõ ngách thiết kế các khu vực cho trẻ vui chơi, trải nghiệm [H5-5.2-01].

c) Các hoạt động giáo dục được nhà trường tổ chức bằng nhiều hình thức đa dạng như: hoạt động trong lớp, hoạt động ngoài trời, tham quan, lễ hội. Tùy vào mục đích và nội dung giáo dục mà giáo viên có thể tổ chức các hoạt động giáo dục theo nhóm, tập thể hay cá nhân sao cho đảm bảo phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế [H1-1.8-01]; [H5-5.2-02].

Mức 2:

Trẻ được tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh thông qua các hoạt động thực hành, trải nghiệm. Tuy nhiên, kỹ năng tổ chức của một vài giáo viên còn đơn điệu về ý tưởng cũng như nội dung hoạt động; chưa thu hút được hứng thú tích cực của trẻ. Bên cạnh đó, do hạn chế về diện tích khu vực hoạt động ngoài trời nên việc tổ chức cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm với thiên nhiên chưa được thường xuyên [H1-1.8-01]; [H5-5.2-02].

Mức 3:

Giáo viên tổ chức môi trường giáo dục theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm; tạo cơ hội cho trẻ em tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Tuy nhiên, chưa đảm bảo tối đa yêu cầu tạo cơ hội cho trẻ vui chơi, trải nghiệm với thiên nhiên [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường tổ chức hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo quan điểm “giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”; tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm bằng nhiều hình thức; đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục; phù hợp với trẻ em mầm non và điều kiện nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Kỹ năng tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh của một vài giáo viên còn đơn điệu về ý tưởng cũng như nội dung hoạt động; chưa thu hút được hứng thú tích cực của trẻ. Bên cạnh đó, do hạn chế về diện tích khu vực hoạt động ngoài trời nên việc cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm với thiên nhiên chưa được thường xuyên.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2021 – 2022 và những năm tiếp theo, giáo viên tiếp tục tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo quan điểm “giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”; tăng cường hoạt động cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm với thiên nhiên. Phó Hiệu trưởng chuyên môn tiếp tục xây dựng kế hoạch củng cố chuyên đề “Xây dựng môi trường thiên trong tổ chức hoạt động và tăng cường vận động cho trẻ”; bồi dưỡng giáo viên kỹ năng tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

***Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe.***

Mức 1:

*a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;*

*b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;*

*c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

Mức 2:

 *a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề có liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;*

 *b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;*

 *c) 100% trẻ trẻ suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp,tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

Mức 3:

*Có ít nhất 95% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm nhà trường phối hợp với Trung tâm Y tế Dự phòng Quận 11 và trạm Y tế Phường 2 tổ chức các hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho trẻ như khám sức khỏe định kỳ 02 lần/năm; theo dõi tầm soát dịch bệnh, theo dõi trẻ có vấn đề về sức khỏe (sốt xuất huyết, tay chân miệng, …); tổ chức tiêm ngừa sởi – rubella; cho trẻ uống vitamin A [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

b) 100% trẻ theo học tại trường đều được kiểm tra sức khỏe; đo chiều cao, cân nặng và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định; trong đó những trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được theo dõi cân nặng, chiều cao hằng tháng; trẻ bình thường được theo dõi cân nặng, chiều cao hằng quý [H5-5.3-03]; [H5-5.3-04].

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp như: Đối với trẻ suy dinh dưỡng, nhà trường bổ sung chế độ sữa; trẻ béo phì bổ sung lượng rau vào bữa ăn trưa và có chế độ tăng cường vận động cho trẻ tại trường [H5-5.3-05]. Đến cuối mỗi năm học, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học [H5-5.3-06], cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Trẻ****suy dinh dưỡng****thể nhẹ cân** | **Trẻ****suy dinh dưỡng****thấp còi** | **Trẻ suy dinh dưỡng còi cọc** | **Trẻ thừa cân- béo phì** |
| **Đầu vào** | **Cải thiện** | **Đầu vào** | **Cải****thiện** | **Đầu vào** | **Cải thiện** | **Đầu vào** | **Cải thiện** |
| Năm học 2016 – 2017 | 04 | 04/04 100% | 06 | 00/06 00% | 04 | 04/04 100% | 76 | 39/7651,3% |
| Năm học 2017 – 2018 | 06 | 06/06 100% | 01 | 01/01 100% | 02 | 02/02 100% | 58 | 28/58 48,3% |
| Năm học 2018 – 2019 | 05 | 05/05 100% | 03 | 00/03 00% | 00 | 00 | 30 | 22/30 73,3 % |
| Năm học 2019 – 2020 | 06 | 06/06 100% | 03 | 00/03 00% | 03 | 03/03 100% | 27 | 18/27 66,7% |
| Năm học 2020 – 2021 | 06 | 06/06 100% | 00 | 00 | 00 | 00 | 39 | 22/39 56,4% |

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ hoặc người giám hộ trẻ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ thông qua các hoạt động như: trao đổi gián tiếp qua bảng tuyên truyền của trường, lớp, qua tờ rơi; trao đổi trực tiếp qua các cuộc họp phụ huynh, qua giờ đón, trả trẻ; qua các buổi hội thảo [H4-4.1-01]; [H4-4.1-01].

b) Nhà trường thường xuyên rà soát và thực hiện đúng quy định về chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường, đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho trẻ. Thực đơn được xây dựng đa dạng món ăn, đa dạng thực phẩm; thay đổi hằng ngày, hằng tuần; có lưu ý thực phẩm theo mùa và có thực phẩm bổ sung hằng ngày cho trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì [H5-5.3-07].

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp như: Đối với trẻ suy dinh dưỡng nhà trường bổ sung chế độ sữa; trẻ béo phì bổ sung lượng rau vào bữa ăn trưa và có chế độ tăng cường vận động cho trẻ tại trường [H5-5.3-05]. Đến cuối năm học 2020 – 2021, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học, cụ thể số lượng trẻ suy dinh dưỡng giảm 06/06 (đạt 100%), số lượng trẻ thừa cân - béo phì giảm 22/39 (đạt 56,41%) [H5-5.3-06].

Mức 3:

Năm học 2020 – 2021, tỷ lệ trẻ em khoẻ mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường chỉ đạt 91,5%. Một vài phụ huynh chưa phối hợp tốt với nhà trường trong việc xây dựng chế độ ăn phù hợp cho trẻ tại nhà, còn chiều theo sở thích của trẻ; do đó trẻ thừa cân, béo phì chưa giảm tăng cân một cách hiệu quả [H5-5.3-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ. Chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường được đảm bảo. 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ có cải thiện so với đầu năm học.

**3. Điểm yếu**

Một vài phụ huynh chưa phối hợp tốt với nhà trường trong việc xây dựng chế độ ăn phù hợp cho trẻ tại nhà, còn chiều theo sở thích của trẻ; do đó trẻ thừa cân, béo phì chưa giảm tăng cân một cách hiệu quả.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2021 – 2022 và những năm tiếp theo, nhà trường chỉ đạo phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng tiếp tục cùng với cấp dưỡng, thường xuyên nghiên cứu các món ăn qua các kênh tư liệu về các món ăn, nguyên vật liệu chế biến giàu dinh dưỡng để xây dựng thực đơn đa dạng nhưng vẫn đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng của trẻ. Bên cạnh đó, nhà trường cùng giáo viên tăng cường công tác tuyên truyền, tư vấn đến phụ huynh học sinh nhằm nâng cao nhận thức của phụ huynh về công tác chăm sóc trẻ thừa cân, béo phì. Qua đó, phụ huynh sẽ phối hợp tốt hơn với nhà trường trong việc hạn chế tốc độ tăng cân nhưng vẫn bảo đảm sức khỏe cho trẻ trẻ thừa cân, béo phì.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục***

Mức 1:

*a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*

*b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;*

*c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.*

Mức 2:

*a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*

*b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;*

*c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.*

Mức 3:

*a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;*

*b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có sự phối hợp với phụ huynh trong việc vận động cho trẻ đến trường học, quan tâm kịp thời đối với trẻ vắng. Tỷ lệ chuyên cần đối với trẻ dưới 5 tuổi bình quân 89%, đối với trẻ 5 tuổi bình quân là 91% [H1-1.5-01].

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Năm học 2016** - **2017** | **Năm học 2017** - **2018** | **Năm học 2018** - **2019** | **Năm học 2019** - **2020** | **Năm học 2020** - **2021** |
| **Tổng số trẻ** | **310** | **279** | **237** | **217** | **200** |
| Nhóm 25 – 36 tháng | 88,07% | 87,4% | 89,36% | 87,17% | 89,07% |
| Lớp mẫu giáo 3 – 4 tuổi | 88,8% | 87,35% | 93,12% | 90,15% | 92,64% |
| Lớp mẫu giáo 4 – 5 tuổi | 84,72% | 90,12% | 90,15% | 89,45% | 88,5% |
| Lớp mẫu giáo5 – 6 tuổi | 93,03% | 91,59% | 88,69% | 88,9% | 93,29% |

b) Trường phối hợp với địa phương, phụ huynh thực hiện tốt kế hoạch công tác phổ cập giáo dục trẻ mầm non 5 tuổi. Trẻ 5 tuổi theo học tại trường được trang bị đầy đủ tâm thế, thể lực cũng như được cung cấp các kiến thức và kỹ năng phù hợp để thích nghi vào lớp Một. Trong 05 năm liên tục từ năm học 2016 – 2017 đến năm học 2020 – 2021, tỷ lệ trẻ 5 tuổi của trường hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non bình quân đạt 100% [H5-5.4-01]. Cụ thể:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Năm học 2016** - **2017** | **Năm học 2017** - **2018** | **Năm học 2018** - **2019** | **Năm học 2019** - **2020** | **Năm học 2020** - **2021** |
| **Tổng số trẻ** | **111** | **129** | **88** | **93** | **70** |
| Số trẻ hoàn thành – Tỷ lệ hoàn thành | 111/111 100% | 129/129 100% | 88/88 100% | 93/93 100% | 70/70 100% |

c) Nhà trường tạo điều kiện cho những trẻ có hoàn cảnh khó khăn được đến lớp [H5-5.4-02]. Trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

Mức 2:

a) Nhà trường có sự phối hợp tốt với phụ huynh trong việc vận động cho trẻ đến trường học, quan tâm kịp thời đối với trẻ vắng. Tỷ lệ chuyên cần đối với trẻ dưới 5 tuổi bình quân 89%, đối với trẻ 5 tuổi bình quân là 91% [H1-1.5-01].

b) Trường thực hiện tốt kế hoạch công tác phổ cập giáo dục mầm non. Trẻ 5 tuổi được chuẩn bị đầy đủ tâm thế để thích nghi vào lớp Một. Trong 05 năm vừa qua, tỷ lệ trẻ 5 tuổi của trường hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non bình quân đạt 100% [H5-5.4-01]. Trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

Mức 3:

a) Trong 05 năm vừa qua, tỷ lệ trẻ 5 tuổi của trường hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non bình quân đạt 100% [H5-5.4-01].

b) Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

**2. Điểm mạnh**

Trường có sự phối hợp tốt với chính quyền, các ban ngành đoàn thể địa phương và phụ huynh trong công tác huy động trẻ 5 tuổi đến trường và đảm bảo trẻ được hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non.

**3. Điểm yếu**

Tỷ lệ chuyên cần của trẻ dưới 5 tuổi chưa cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021 – 2022 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục duy trì các biện pháp đã thực hiện nhằm nâng cao tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi và tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non. Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giáo viên nhằm nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục mầm non với Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi. Bên cạnh đó, giáo viên các nhóm, lớp dưới 5 tuổi quan tâm thăm hỏi tìm hiểu nguyên nhân vì sao trẻ đi học không đều kết hợp tăng cường công tác tuyên truyền đến phụ huynh các kiến thức về chăm sóc sức khỏe cho trẻ (chế độ dinh dưỡng, cách phòng tránh một số bệnh thường gặp) nhằm nâng cao tỷ lệ chuyên cần của trẻ ở nhóm, lớp dưới 5 tuổi.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 1.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 5:**

+ Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường tổ chức thực hiện và phát triển Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng; phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, địa phương và khả năng của trẻ. Có rà soát, đánh giá và điều chỉnh kịp thời, có tổ chức hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo quan điểm “giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”; tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm, bằng nhiều hình thức, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục; phù hợp với trẻ em mầm non và điều kiện nhà trường.

Nhà trường có phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ. Chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường được đảm bảo. 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ có cải thiện so với đầu năm học.

+ Điểm yếu cơ bản:

Do hạn chế về diện tích khu vực hoạt động ngoài trời nên việc cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm với thiên nhiên chưa được thường xuyên.

Trẻ thừa cân, béo phì chưa giảm tăng cân một cách hiệu quả.

Tỷ lệ chuyên cần của trẻ dưới 5 tuổi chưa cao.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

+ Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00.

**Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

Nhận thức được sự cần thiết của việc kiểm định chất lượng giáo dục, toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường Mầm non Phường 2 đã tích cực tham gia công tác tự đánh giá, cố gắng nhận thức các điểm mạnh, điểm yếu một cách khách quan để có cái nhìn toàn diện chất lượng giáo dục của trường. Qua đó, nhà trường có kế hoạch cải tiến chất lượng thích hợp hơn nhằm đạt mục tiêu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường; giúp trường tự xác định được vị trí của mình trong xã hội, để tạo cơ sở giúp cha mẹ học sinh an tâm lựa chọn trường có chất lượng giáo dục con em mình.

Qua quá trình tự tiến hành đánh giá của nhà trường, kết quả đạt được qua các chỉ số, các tiêu chí về kiểm định chất lượng giáo dục như sau:

- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1: 25/25 - Tỷ lệ: 100%

- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 1: 00/25 - Tỷ lệ: 00%

- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2: 07/25 - Tỷ lệ: 28%

- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 2: 18/25 - Tỷ lệ: 72%

- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 3: 00/19 - Tỷ lệ: 00%

- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 3: 19/19 - Tỷ lệ: 100%

- Mức đánh giá của Trường Mầm non Phường 2 Quận 11: Mức 1.

- Trường Mầm non Phường 2 Quận 11 đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1./.

*Quận 11, ngày 30 tháng 5 năm 2021*

 **HIỆU TRƯỞNG**

 **Phạm Thị Hoài An**

**Phần IV. PHỤ LỤC**

**BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Số TT** | **Mã****minh chứng** | **Tên** **minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát…** | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú****(nơi lưu trữ)** |
| **Tiêu chí 1.1** | 1 | [H1-1.1-01] | Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2019 – 2024 | Từ năm 2019 đến năm 2024 | Hiệu trưởng | PhòngHiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.1-02] | Hình ảnh bảng tuyên truyền và cổng thông tin điện tử của nhà trường về Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2019 – 2024  | Từ năm 2019 đến năm 2021 | Hiệu trưởng | PhòngHiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.1-03] | Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Hiệu trưởng | PhòngHiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.1-04] | Sổ biên bản họp Hội đồng sư phạm hằng tháng | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Hiệu trưởng | PhòngHiệu trưởng |
| 5 | [H1-1.1-05] | Báo cáo tổng kết năm học | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Hiệu trưởng | PhòngHiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.2** | 1 | [H1-1.2-01] | Hồ sơ Hội đồng trường | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Hiệu trưởng | PhòngHiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.2-02] | Hồ sơ thi đua – khen thưởng  | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Hiệu trưởng | PhòngHiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.2-03] | Hồ sơ chấm sáng kiến kinh nghiệm  | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Hiệu trưởng | PhòngHiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.2-04] | Hồ sơ chấm thi giáo viên dạy giỏi | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Hiệu trưởng | PhòngHiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.3** | 1 | [H1-1.3-01] | Hồ sơ tổ chức công đoàn  | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Chủ tịch công đoàn | Phòng hành chính quản trị |
| 2 | [H1-1.3-02] | Hồ sơ tổ chức chi đoàn  | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Bí thư chi bộ | PhòngHiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.3-03] | Hồ sơ tổ chức hội Chữ thập đỏ  | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng | Phòng PhóHiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.3-04] | Hồ sơ chi bộ  | Từ năm 2016 đến năm 2020 | Bí thư chi bộ | PhòngHiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.4** | 1 | [H1-1.4-01] | Hồ sơ nhân sự  | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Nhân viên văn thư | Phòng hành chính quản trị |
| 2 | [H1-1.4-02] | Quyết định về phân công tổ trưởng, tổ phó chuyên môn;Quyết định thành lập các Tổ chuyên môn, Tổ văn phòng, Tổ công đoàn  | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Hiệu trưởng | PhòngHiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.4-03] | Kế hoạch hoạt động của các tổ | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Tổ trưởng tổ chuyên môn, văn phòng | Phòng PhóHiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.4-04] | Sổ biên bản họp các tổ | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Tổ trưởng tổ chuyên môn, văn phòng | Phòng PhóHiệu trưởng |
| 5 | [H1-1.4-05] | Hồ sơ chuyên đề | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phòng PhóHiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.5** | 1 | [H1-1.5-01] | Sổ điểm danh các lớp | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Nhân viên văn thư | Phòng hành chính quản trị |
| 2 | [H1-1.5-02] | Sổ tính tiền ăn bán trú | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Nhân viên kế toán | Phòng hành chính quản trị |
| **Tiêu chí 1.6** | 1 | [H1-1.6-01] | Danh mục hệ thống hồ sơ của nhà trường  | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Nhân viên văn thư | Phòng hành chính quản trị |
| 2 | [H1-1.6-02] | Hồ sơ quản lý tài chính | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Nhân viên kế toán | Phòng hành chính quản trị |
| 3 | [H1-1.6-03] | Hồ sơ quản lý tài sản | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Nhân viên kế toán | Phòng hành chính quản trị |
| 4 | [H1-1.6-04] | Quy chế chi tiêu nội bộ. | Từ năm 2016 đến năm 2020 | Nhân viên kế toán | Phòng hành chính quản trị |
| 5 | [H1-1.6-05] | Phần mềm quản lý hành chính, tài chính và tài sản | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Nhân viên kế toán, văn thư | Phòng hành chính quản trị |
| **Tiêu chí 1.7** | 1 | [H1-1.7-01] | Kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Hiệu trưởng | Phòng Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.7-02] | Quyết định về việc phân công nhiệm vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Hiệu trưởng | Phòng hành chính quản trị |
| **Tiêu chí 1.8** | 1 | [H1-1.8-01] | Kế hoạch giáo dục của các nhóm, lớp (mạng nội bộ) | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.8-02] | Hồ sơ đánh giá, xếp loại tay nghề giáo viên  | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.8-03] | Sổ biên bản họp chuyên môn | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.9** | 1 | [H1-1.9-01] | Hồ sơ Hội nghị viên chức | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Chủ tịch Công đoàn | Phòng hành chính quản trị |
| 2 | [H1-1.9-02] | Hồ sơ tiếp dân | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Hiệu trưởng | Phòng Hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.9-03] | Hồ sơ quy chế dân chủ cơ sở  | Từ năm 2016 đến năm 2020 | Hiệu trưởng | Phòng Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.10** | 1 | [H1-1.10-01] | Phương án an ninh trật tự trường học | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Hiệu trưởng | Phòng Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.10-02] | Phương án vệ sinh an toàn thực phẩm | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.10-03] | Phương án phòng, chống tai nạn thương tích | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.10-04] | Phương án phòng, chống cháy nổ | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| 5 | [H1-1.10-05] | Phương án phòng, chống thảm hoạ, thiên tai | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| 6 | [H1-1.10-06] | Phương án phòng, chống dịch bệnh | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| 7 | [H1-1.10-07] | Phương án phòng chống các tệ nạn xã hội, phòng chống bạo lực trong nhà trường | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| 8 | [H1-1.10-08] | Giấy chứng nhận cơ sở đảm bảo về vệ sinh an toàn thực phẩm | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 2.1** | 1 | [H2-2.1-01] | Hồ sơ đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Hiệu trưởng | Phòng hành chính quản trị |
| **Tiêu chí 2.2** | 1 | [H2-2.2-01] | Hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 2.3** | 1 | [H2-2.3-01] | Hợp đồng với công ty VILADO | Năm 2020 – 2021 | Hiệu trưởng | Phòng Hiệu trưởng |
| 2 | [H2-2.3-02] | Hồ sơ đánh giá viên chức, người lao động | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Hiệu trưởng | Phòng hành chính quản trị |
| **Tiêu chí 3.1** | 1 | [H3-3.1-01] | Hồ sơ xây dựng trường. | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Nhân viên văn thư | Phòng hành chính quản trị |
| 2 | [H3-3.1-02] | Hình ảnh toàn cảnh các cơ sở | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| 3 | [H3-3.1-03] | Hình ảnh sân chơi của trường | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 3.2** | 1 | [H3-3.2-01] | Hình ảnh các phòng chức năng | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chuyên môn giáo dục | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| 2 | [H3-3.2-02] | Sổ tài sản các lớp | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 3.3** | 1 | [H3-3.3-01] | Hình ảnh khu vực để xe | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 3.4** | 1 | [H3-3.4-01] | Hình ảnh kho thực phẩm | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| 2 | [H3-3.4-02] | Biên bản kiểm tra y tế trường học  | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| 3 | [H3-3.4-03] | Sổ lưu mẫu thức ăn | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| 4 | [H3-3.4-04] | Hình ảnh quy trình bếp một chiều | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 3.5** | 1 | [H3-3.5-01] | Biên bản kiểm kê tài sản các lớp | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| 2 | [H3-3.5-02] | Hợp đồng kết nối mạng Internet | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Nhân viên kế toán | Phòng hành chính quản trị |
| **Tiêu chí 3.6** | 1 | [H3-3.6-01] | Hợp đồng với công ty cung cấp nước sinh hoạt và nước uống | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Hiệu trưởng | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| 2 | [H3-3.6-02] | Giấy xét nghiệm nước | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| 3 | [H3-3.6-03] | Hợp đồng công ty thu gom rác | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 4.1** | 1 | [H4-4.1-01] | Hồ sơ Ban đại diện cha mẹ học sinh  | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Hiệu trưởng | Phòng Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 4.2** | 1 | [H4-4.2-01] | Hồ sơ đơn vị văn hóa | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Hiệu trưởng | Phòng Hiệu trưởng |
| 2 | [H4-4.2-02] | Hình ảnh các hoạt động tuyên truyền  | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| 3 | [H4-4.2-03] | Hồ sơ mạnh thường quân  | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Hiệu trưởng | Phòng Hiệu trưởng |
| 4 | [H4-4.2-04] | Hình ảnh lễ hội, sự kiện  | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.1** | 1 | [H5-5.1-01] | Chương trình giáo dục của nhà trường | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.2** | 1 | [H5-5.2-01] | Hình ảnh môi trường lớp, môi trường ngoài | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| 2 | [H5-5.2-02] | Hình ảnh, video các hoạt động giáo dục  | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.3** | 1 | [H5-5.3-01] | Kế hoạch phối hợp với y tế | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| 2 | [H5-5.3-02] | Hợp đồng khám sức khỏe trẻ | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| 3 | [H5-5.3-03] | Sổ khám sức khỏe trẻ | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Nhân viên y tế | Phòng hành chính quản trị |
| 4 | [H5-5.3-04] | Sổ tổng hợp thể lực sức khỏe trẻ | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Nhân viên y tế | Phòng hành chính quản trị |
| 5 | [H5-5.3-05] | Kế hoạch chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| 6 | [H5-5.3-06] | Hồ sơ theo dõi trẻ béo phì, suy dinh dưỡng. | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Nhân viên y tế | Phòng hành chính quản trị |
| 7 | [H5-5.3-07] | Sổ khẩu phần dinh dưỡng | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng | Phòng Phó Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.4** | 1 | [H5-5.4-01] | Danh sách trẻ hoàn thành chương trình giáo dục mầm non | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Nhân viên văn thư | Phòng hành chính quản trị |
|  | 2 | [H5-5.4-02] | Hồ sơ miễn giảm học phí, tiền ăn cho học sinh. | Từ năm 2016 – 2017 đến năm 2020 – 2021 | Nhân viên kế toán | Phòng hành chính quản trị |